BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

**-------------------**



**ĐỀ ÁN THẠC SĨ**

Ngành: **Luật Kinh tế**

Mã ngành: **8380107**

**Đề tài: PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH LAI CHÂU**

**HỌC VIÊN: ĐỖ THỊ HẢI YẾN**

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: TS. HỒ NGỌC HIỂN**

**Hà Nội, 2025**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của TS. Hồ Ngọc Hiển. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong Đề án còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đề án của mình.**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2025*  **TÁC GIẢ**  Đỗ Thị Hải Yến |

Người hướng dẫn khoa học: TS. Hồ Ngọc Hiển - Trường Đại học Mở Hà Nội

Cán bộ phản biện 1: TS. Phùng Ngọc Quế - Trường Đại học Mở Hà Nội

Cán bộ phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Nga - Trường Đại học Luật Hà Nội

Đề án thạc sĩ được bảo vệ tại HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN THẠC SĨ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI, ngày 12 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định số 2692/QĐ-ĐHM ngày 08/7/2025.

**LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan Đề án là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả số liệu nêu trong Đề án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, chính xác của các cơ quan chức năng đã công bố. Những kết luận khoa học của Đề án là mới và chưa có tác giả công bố trong bất cứ công trình khoa học nào.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn.*

|  |  |
| --- | --- |
| *Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2025* | |
|  | |
|  | **NGƯỜI CAM ĐOAN**    **Đỗ Thị Hải Yến** |

**LỜI CẢM ƠN**

*Đề án này được thực hiện tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Để hoàn thành được Đề án này tôi đã nhận được rất nhiều sự động viên, giúp đỡ của các thầy cô giáo trong trường.*

*Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. Hồ Ngọc Hiển đã hướng dẫn tôi thực hiện nghiên cứu của mình.*

*Xin cùng bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các thầy cô giáo, người đã đem lại cho tôi những kiến thức bổ trợ, vô cùng có ích trong thời gian học vừa qua.*

*Cũng xin gửi lời cám ơn chân thành tới Khoa Luật, Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Mở Hà Nội đã tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập.*

*Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, những người đã luôn bên tôi, động viên và khuyến khích tôi trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TÁC GIẢ ĐỀ ÁN**  **Đỗ Thị Hải Yến** |

MỤC LỤC

[PHẦN MỞ ĐẦU 1](#_Toc200266972)

[**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP** 9](#_Toc200266973)

[**1.1.** **Khái quát chung về thủ tục thành lập doanh nghiệp** 9](#_Toc200266974)

[***1.1.1.*** ***Khái niệm, đặc điểm của thủ tục thành lập doanh nghiệp*** 9](#_Toc200266975)

[***1.1.2.*** ***Vai trò, ý nghĩa của thủ tục thành lập doanh nghiệp*** 15](#_Toc200266976)

[1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thủ tục thành lập doanh nghiệp 18](#_Toc200266977)

[**1.3.** **Pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp** 20](#_Toc200266978)

[1.3.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp 21](#_Toc200266979)

[1.3.2. Nguyên tắc cơ bản của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp 25](#_Toc200266980)

[1.3.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp 27](#_Toc200266981)

[**Kết luận chương 1** 32](#_Toc200266982)

[**CHƯƠNG 2**: **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU** 33](#_Toc200266983)

[**2.1.** **Thực trạng pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp** 33](#_Toc200266984)

[2.1.1. Các quy định về điều kiện thành lập doanh nghiệp 33](#_Toc200266985)

[2.1.2. Các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp 54](#_Toc200266986)

[2.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp 59](#_Toc200266987)

[***2.2.1. Ưu điểm*** 59](#_Toc200266988)

[***2.2.2. Hạn chế*** 62](#_Toc200266989)

[**2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu** 65](#_Toc200266990)

[2.2.1. Khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp 65](#_Toc200266991)

[***2.2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp*** 65](#_Toc200266992)

[Kết luận chương 2 73](#_Toc200266993)

[**CHƯƠNG 3**: **PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP** 74](#_Toc200266994)

[**3.1**. **Phương hướng hoàn thiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp** 74](#_Toc200266995)

[***3.1.1. Thể chế hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân*** 74](#_Toc200266996)

[***3.1.2. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh*** 75](#_Toc200266997)

[***3.1.4. Đảm bảo tính phù hợp các cam kết từ điều ước quốc tế và các hiệp định thương mại song phương và đa phương*** 78](#_Toc200266998)

[**3.2.** **Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký doanh nghiệp** 80](#_Toc200266999)

[3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về điều kiện đăng ký doanh nghiệp 80](#_Toc200267000)

[3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về chủ thể kinh doanh 80](#_Toc200267001)

[3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp 82](#_Toc200267002)

[3.2.4. Hoàn thiện pháp luật về trụ sở kinh doanh của doanh nghiệp 84](#_Toc200267003)

[3.2.5. Hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp 85](#_Toc200267004)

[**3.3.** **Một số giải nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về thủ tục thành lâp doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu** 87](#_Toc200267005)

[**Kết luận chương 3** 90](#_Toc200267006)

[**KẾT LUẬN** 91](#_Toc200267007)

[**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO** 92](#_Toc200267008)

# 

# PHẦN MỞ ĐẦU

1. **Tính cấp thiết của đề án**

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm trong việc tạo lập việc làm, đóng góp ngân sách nhà nước và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Nhận thức được vai trò này, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm khuyến khích thành lập doanh nghiệp, trong đó có việc cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục đăng ký kinh doanh. Điều này được thể hiện rõ trong Nghị quyết số 10-NQ/TW năm 2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế và Nghị quyết số 68-NQ/TW năm 2022 tiếp tục khẳng định định hướng cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho khởi sự kinh doanh.

Để cải thiện, nâng cao sức hấp dẫn của môi trường kinh doanh tại Việt Nam nhằm thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước, thực tế đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật hoàn thiện, mà trước hết là hệ thống pháp luật về đăng ký doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần theo thời gian để phù hợp với thực tế, đáp ứng yêu cầu của công cuộc hội nhập. Luật Doanh nghiệp năm 2020 thay thế cho Luật Doanh nghiệp 2014 với một số quy định mới về hoạt động thành lập doanh nghiệp đã tháo gỡ nhiều vướng mắc trong điều kiện, thủ tục, góp phần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đánh dấu một bước tiến mới cho hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam. Các đạo luật doanh nghiệp được thường xuyên sửa đổi, bổ sung cũng góp phần quan trọng thu hút và huy động các nguồn lực đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, tạo thuận lợi hơn cho việc thành lập doanh nghiệp, đổi xử bình đẳng về điều kiện, thủ tục thành lập doanh nghiệp giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

Lai Châu là một tỉnh miền núi phía Bắc, được tách tỉnh từ năm 2004, là địa phương còn nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế xã hội. Trên địa bàn tỉnh hiện có 1.954 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 55.330 tỷ đồng. Thời gian qua , tỉnh đã có nhiều nỗ lực, quyết tâm đưa ra các giải pháp và hành động nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư và tăng cường quảng bá, giới thiệu các tiềm năng thế mạnh, ưu đãi và cơ chế chính sách của tỉnh. Mặt khác, tỉnh tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp vào nghiên cứu, khảo sát đầu tư các dự án trên địa bàn. Tuy nhiên, nhìn chung thì công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chưa được cải thiện nhiều, chỉ số PCI của tỉnh thuộc nhóm thấp của cả nước[[1]](#footnote-1).

Việc nghiên cứu về pháp luật hiện hành về thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Lai Châu nói riêng có ý nghĩa cấp thiết trong bối cảnh nền kinh tế đang đẩy mạnh khởi nghiệp, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế tư nhân. Một hệ thống pháp luật minh bạch, chặt chẽ và thuận lợi sẽ tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức dễ dàng tiếp cận, đăng ký và vận hành doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, mặc dù pháp luật về doanh nghiệp đã có nhiều cải cách, nhưng vẫn tồn tại những bất cập và chồng chéo trong thực tiễn áp dụng, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục đăng ký. Việc nghiên cứu giúp nhận diện những hạn chế, đề xuất giải pháp nhằm đơn giản hóa quy trình, giảm thiểu rủi ro pháp lý, tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp. Đồng thời, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện môi trường pháp lý để nâng cao sức cạnh tranh và thu hút đầu tư nước ngoài. Do đó, nghiên cứu về pháp luật trong lĩnh vực này không chỉ giúp hoàn thiện chính sách mà còn góp phần tạo động lực cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và nền kinh tế quốc gia.

Chính vì lý do trên, người viết quyết định lựa chọn đề tài “*Pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Lai Châu*” làm đề án tốt nghiệp thạc sĩ luật kinh tế là có tính cấp thiết.

1. **Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Hoạt động thủ tục thành lập doanh nghiệp hay đăng ký thành lập doanh nghiệp là một hoạt động phổ biến, có ý nghĩa quan trọng nhằm ghi nhận sự ra đời của doanh nghiệp. Vì vậy, trong thời gian qua, các quy định của pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp đã thu hút không ít sự quan tâm của các học giả, nhà nghiên cứu khoa học. Một số công trình nghiên cứu khoa học có thể kể đến như:

“Cutting Red Tape Administrative Simplification in Viet Nam: Supporting the Competitiveness of the Vietnamese Economy”, OECD, 2011 (Báo cáo “Đơn giản thủ tục hành chính ở Việt Nam: Hỗ trợ năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam” do Tổ chức và Hợp tác và Phát triển Kinh tế phát hành năm 2011). Đây được coi là bản báo cáo có cái nhìn rất toàn diện về môi trường kinh doanh ở Việt Nam qua các đề án cải cách thủ tục hành chính như đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính.

“Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Kinh tế hiện hành ở Việt Nam” của TS. Bùi Ngọc Cường, NXB Chính trị Quốc gia 2004. Đây là công trình nghiên cứu được đúc kết từ Luận án Tiến sĩ của chính tác giả, cũng như bài viết “Vai trò của pháp luật kinh tế trong việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh” trên Tạp chí khoa học pháp lý số 7/2002. Trong các công trình trên, tác giả đưa ra quan niệm về quyền tự do kinh doanh theo nghĩa chủ quan, khách quan, cũng như nội dung của quyền tự do kinh doanh mà trong đó có nội dung về quyền tự do gia nhập thị trường. Tuy nhiên trong những nghiên cứu này, nội dung của pháp luật về thủ tục gia nhập thị trường chưa được nghiên cứu một cách cụ thể, chỉ đặt trong tổng thể quyền tự do kinh doanh

Công trình “Quyền sở hữu cá nhân - Cội nguồn của tự do kinh doanh trong nền kinh tế thị trường” của tác giả PGS.TS. Nguyễn Như Phát trong cuốn sách “Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội” của Viện khoa học xã hội Việt Nam, NXB Khoa học Xã hội, năm 2009. Theo đó, tác giả đã chỉ ra rằng trong quản lý nhà nước để đảm bảo quyền sở hữu cá nhân - cội nguồn của tự do kinh doanh - quyền con người cần tiếp thu những giá trị tiến bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế và tập quán quốc tế. Đây là những giá trị lý thuyết nền tảng về quyền tự do kinh doanh, trong đó bao gồm quyền cũng như pháp luật về thủ tục gia nhập thị trường của các chủ thể kinh doanh nói chung và doanh nghiệp

“Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay”, Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy, Học viện Khoa học Xã hội, 2016. Công trình này đã phân tích sâu sắc khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của thủ tục đăng ký kinh doanh; những điều kiện để thực hiện việc đăng ký kinh doanh; các yếu tố ảnh hưởng và chi phối đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, luận án chỉ đề cập tới thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh (doanh nghiệp), chưa đề cập tới các nội dung đầy đủ của thủ tục gia nhập thị trường cũng như các đảm bảo pháp luật để thực hiện thủ tục gia nhập thị trường, kinh doanh của doanh nghiệp trên thực tế

“Thực thi quy định về ngành nghề cấm kinh doanh và ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư năm 2014”, TS.GVC Nguyễn Thị Dung, Tạp chí Luật học 8/2016. Tác giả đưa ra những khái niệm cơ bản về ngành nghề đầu tư, kinh doanh và điều kiện kinh doanh. Từ đó phân tích các quy định mới của LĐT 2014 sau 2 năm thực thi. Tác giả kết luận những điểm mới về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư 2014

Nguyễn Thị Yến, “Những quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp cần tiếp tục hoàn thiện”, Tạp chí Luật học số 9, năm 2010; Trần Huỳnh Thanh Nghị, “Cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam trong chặng đường 10 năm hội nhập kinh tế quốc tế 2000 - 2010”, Tạp chí nghiên cứu Lập pháp số 10, năm 2011; PGS.TS Trần Văn Nam, “Mô hình đăng ký kinh doanh hợp nhất: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”, Tạp chí Phát triển kinh tế số 216, năm 2008; Trương Thanh Đức (2014), Luận giải về Luật Doanh nghiệp, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội; Ths Thị Phương Thảo “Nghiên cứu so sánh pháp luật về thành lập doanh nghiệp” Luận văn thạc sĩ bảo vệ tại Học Viện Khoa học xã hội năm năm 2010;...

Kể từ khi Luật Doanh nghiệp 2020 ra đời, cũng đã có một số các công trình tiếp tục nghiên cứu về thủ tục thành lập doanh nghiệp. Cụ thể:

TS. Nguyễn Thị Huế, “Hoàn thiện pháp luật về thành lập doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu cải thiện môi trường đầu tư – kinh doanh”, Tạp chí công thương số 20 tháng 9 năm 2024. Bài viết cũng đã trình bày và phân tích một số bất cập hiện hành như ràng buộc nhân thân người thành lập, chi phí tuân thủ thủ tục, thiếu minh bạch và đã đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật như đơn giản hóa hồ sơ, tăng tính minh bạch và giảm chi phí tuân thủ, hướng tới tạo môi trường đầu tư thuận lợi.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). Dự thảo Báo cáo đánh giá thi hành Luật Doanh nghiệp 2020. Đây là tài liệu quan trọng, được thực hiện để phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp 2020, trong đó có đánh giá kết quả thực hıện LDN năm 2020 về những thành công và hạn chế.

Nguyễn Vinh Hưng và Nguyễn Đăng Duy, “Enterprise Conversion in Vietnam: Legal Inadequacies and Solutions”, bài viết quốc tế này đã phân tích khó khăn trong quy định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (từ hộ kinh doanh, công ty TNHH sang công ty cổ phần…), chỉ ra một số hạn chế của Luật Doanh nghiệp 2020 còn thiếu rõ ràng, đề xuất sửa đổi quy định hồ sơ, điều kiện chuyển đổi, minh bạch hóa pháp lý để thúc đẩy linh hoạt hóa doanh nghiệp.

ThS. Lê Thị Hiền, “Pháp luật Việt Nam về hợp đồng thành lập công ty”, luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội, 2021. Luận văn đã tập trung vào phân tích quy định pháp luật về hợp đồng thành lập doanh nghiệp (thành viên góp vốn, điều kiện, hiệu lực pháp lý); Làm rõ các quy định về ghi nhận và bảo vệ quyền lợi thành viên trong doanh nghiệp mới thành lập; Đánh giá thực tiễn áp dụng, chỉ ra bất cập về tính ràng buộc pháp lý và khuyến nghị hoàn thiện.

Một số luận văn cũng đã đề cập đến thực tiễn thành lập doanh nghiệp ở một số địa phương như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đắc Lăk...

Dựa trên kết quả tìm kiếm, hiện tại chưa có luận văn, báo cáo khoa học chuyên sâu tập trung nghiên cứu thủ tục thành lập doanh nghiệp đặc thù tại tỉnh Lai Châu từ 2021 trở lại đây. Với đề án này, Đề án sẽ tập trung nghiên cứu toàn diện thực trạng các quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp tại tỉnh Lai Châu, quy định pháp luật hiện hành để từ đó tìm ra những bất cập, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật. Đồng thời, hy vọng rằng sau đề tài này, các nhà làm luật cũng như các cơ quan tổ chức có nhu cầu trong đầu tư, thành lập doanh nghiệp sẽ có cái nhìn khách quan về thực tiến pháp lý đối với các thủ tục hành chính trong vấn đề thủ tục thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay.

1. **Mục tiêu và nhiệm vụ của đề án**
   1. Mục tiêu

Đề án hướng đến mục tiêu làm rõ các vấn đề lý luận về thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp theo LDN năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; phân tích, đánh giá quy định pháp luật hiện hành về thủ tục thành lập doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam một cách toàn diện và khách quan. Trình bày thực tiễn thi hành các quy định này trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Từ đó đề ra các giải pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế, bất cập góp phần hoàn thiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật thủ tục thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

* 1. Nhiệm vụ

Với mục tiêu ở trên, nhiệm vụ của Đề án được xác định như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu cơ sở lý luận, mục đích, ý nghĩa của hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp;

Thứ hai, nghiên cứu, đánh giá thực trạng các quy định về điều kiện, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp;

Thứ ba, nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định về điều kiện, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp theo LDN trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Thứ tư, trên cơ sở thực tiễn thực thi các quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả thực thi các quy định trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1. **Đối tượng và phạm vi thực hiện đề án**
   1. Đối tượng

Đề án nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện nay về thủ tục thành lập doanh nghiệp mà trọng tâm tập trung vào các quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

* 1. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, phạm vi nghiên cứu là hệ thống các quy định pháp luật về điều chỉnh hoạt động đăng ký doanh nghiệp và các vấn đề có liên quan cũng như quá trình thực hiện pháp luật trong hoạt động đăng ký doanh nghiệp. Trong Đề án này tác giả, chỉ tập trung nghiên cứu nội dung thủ tục thành lập doanh nghiệp dưới góc độ pháp lý của Luật doanh nghiệp (cụ thể là LDN 2020) qua các thời kỳ và các luật khác có liên quan như Luật đầu tư; không nghiên cứu về thủ tục thành lập doanh nghiệp theo quy định của các luật chuyên ngành.

Về không gian và thời gian, phạm vi nghiên cứu của Đề án là các quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam qua Luật Doanh nghiệp năm 2020 và trên địa bàn không gian ở tỉnh Lai Châu.

1. **Phương pháp nghiên cứu**

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Đề án sử dụng các phương pháp nghiên cứu bao gồm:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê: đây là phương pháp chính đề tài sử dụng trong quá trình nghiên cứu; phân tích để tiếp cận và có những hiểu biết nhất định đối với vấn đề nghiên cứu; dùng làm căn cứ để hình thành các luận điểm, luận cứ, xác lập các lập luận làm cơ sở phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu của đề tài hướng tới.

- Phương pháp so sánh: từ việc so sánh, đối chiếu các khía cạnh về quan điểm, tư tưởng, mục tiêu, chính sách... và đặc biệt là hệ thống pháp luật điều chỉnh đối với vấn đề nghiên cứu của các quốc gia có liên quan; tìm ra được mặt lợi cũng như mặt hại để tìm ra hướng đi, hướng giải quyết đối với tình hình trong nước.

1. **Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Đề án**

Về ý nghĩa khoa học, Đề án đóng góp về phương diện lý luận cho việc nghiên cứu pháp luật, quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về thành lập doanh nghiệp, tìm kiếm các giải pháp hoàn thiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp phù hợp. Đề án cũng làm rõ vai trò, chức năng của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp, sự tác động của hệ thống pháp luật về thành lập doanh nghiệp tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung và trên địa bàn tỉnh Lai Châu nói riêng.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Đề án sẽ là công trình khoa học có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập và áp dụng pháp luật về thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam, đặc biệt trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1. **Kết cấu của Đề án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo và phụ lục, Đề án gồm 3 chương:

Ngoại trừ phần mở đầu, mục lục, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, đề án có kết cấu gồm ba (03) chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về thủ tục thành lập doanh nghiệp và pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Lai Châu

Chương 3: Phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp

**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP**

**DOANH NGHIỆP**

* 1. **Khái quát chung về thủ tục thành lập doanh nghiệp**
     1. ***Khái niệm, đặc điểm của thủ tục thành lập doanh nghiệp***
        1. *Khái niệm thủ tục thành lập doanh nghiệp*

Kinh tế tư nhân đang là động lực để phát triển đất nước. Để thực hiện được mục tiêu phát triển, Nhà nước cần khuyến khích mọi chủ thể trong xã hội phát huy tiềm năng của mình, tiến hành hoạt động kinh doanh, trong đó có việc thành lập doanh nghiệp. Quyền tự do kinh doanh được tôn trọng và xác định là một trong những quyền cơ bản của mọi công dân. Điều này cũng được ghi nhận rõ trong Hiến pháp 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “*Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*”. Tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản đảm bảo cho nền kinh tế thị trường phát triển bền vững. Tuy nhiên để đảm bảo cho tính hợp pháp cho hoạt động kinh doanh của mình, đảm bảo cho hoạt động quản lý Nhà nước, lợi ích chung của cộng đồng thì các chủ thể kinh doanh cần tiến hành thủ tục đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước. Điều này nhằm mục đích ghi nhận sự ra đời của các chủ thể kinh doanh đó trên thị trường.

Hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp hay thủ tục thành lập doanh nghiệp được ghi nhận lần đầu tiên tại Việt Nam trong Luật Công ty năm 1990 với thuật ngữ “đăng ký kinh doanh”, sau này được đổi thành “đăng ký doanh nghiệp”. Đăng ký doanh nghiệp gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

Theo từ điển Tiếng Việt thì thủ tục được hiểu là: “*thứ tự và cách thức làm việc theo một trật tự đã được quy định*”[[2]](#footnote-2).

Thành lập doanh nghiệp là sự hình thành một doanh nghiệp mới trong nền kinh tế. Hoạt động thành lập doanh nghiệp do nhà đầu tư tiến hành trên cơ sở quy định của pháp luật về hình thức pháp lí của doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, cách thức góp vốn, tổ chức quản lí doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, người đầu tư thành lập doanh nghiệp[[3]](#footnote-3)… Có thể nói rằng, thủ tục thành lập doanh nghiệp là một trong những nội dung pháp lý cơ bản và quan trọng nhất trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh, thể hiện giai đoạn đầu tiên để một chủ thể được pháp luật thừa nhận là doanh nghiệp và được quyền chính thức tham gia vào các hoạt động kinh doanh trên thị trường.

Dưới góc nhìn đa chiều, thuật ngữ “thủ tục thành lập doanh nghiệp” có thể được tiếp cận và hiểu theo nhiều khía cạnh khác nhau, phản ánh sự đan xen giữa pháp lý, quản lý nhà nước và kinh tế học.

Trước hết, dưới góc độ kinh tế, thủ tục thành lập doanh nghiệp có thể được xem như một yếu tố đầu vào trong chi phí khởi sự kinh doanh. Độ phức tạp, số lượng giấy tờ, thời gian và chi phí đi kèm với các thủ tục này ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định gia nhập thị trường của các nhà đầu tư, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Từ đó, thủ tục thành lập doanh nghiệp không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là chỉ số đo lường mức độ thuận lợi trong kinh doanh – được phản ánh trong các báo cáo toàn cầu như Chỉ số Môi trường Kinh doanh của Ngân hàng Thế giới[[4]](#footnote-4).

Dưới góc độ pháp lý, “thủ tục thành lập doanh nghiệp” là tập hợp các quy định pháp luật về điều kiện, trình tự, hồ sơ và cơ quan có thẩm quyền xử lý việc đăng ký doanh nghiệp, được quy định chủ yếu trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đây là quá trình pháp lý nhằm hợp thức hóa sự ra đời của một chủ thể kinh doanh có tư cách pháp nhân (hoặc không có, như trong trường hợp doanh nghiệp tư nhân), từ đó được công nhận chính thức và bảo hộ bởi Nhà nước.

Dưới góc độ quản lý nhà nước, thủ tục thành lập doanh nghiệp được hiểu là một phần trong hệ thống thủ tục hành chính công, phản ánh năng lực điều hành, giám sát và hỗ trợ của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động gia nhập thị trường. Việc cải cách, đơn giản hóa các thủ tục này - như thông qua mô hình “một cửa”, số hóa hồ sơ, hay liên thông với các cơ quan thuế, bảo hiểm - là biểu hiện của nỗ lực cải thiện chất lượng quản trị công và môi trường đầu tư kinh doanh.

Dưới góc độ chính trị: đăng ký thành lập doanh nghiệp được hiểu là quyền tự do của công dân. Tuy nhiên, quyền này phải được hiểu là tự do trong “khuôn khổ”, dân chủ tập trung và bình đẳng trước pháp luật. Quyền đăng ký thành lập doanh nghiệp cũng đồng thời là nghĩa vụ mà DN phải thực hiện. Quyền tự do kinh doanh của công dân có nội hàm bao gồm cả quyền tự do lựa chọn ngành nghề, hình thức kinh doanh và tự do đăng ký kinh doanh. Bất cứ một cá nhân hay tổ chức nào có đủ điều kiện để kinh doanh đều có thể đăng ký với nhà nước để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh mà không ai có quyền ngăn cản trái phép[[5]](#footnote-5).

Như vậy, để gia nhập thị trường và được tiến hành hoạt động kinh doanh, các chủ thể kinh doanh muốn thành lập doanh nghiệp sẽ phải khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về dự kiến hoạt động của mình với các thông tin cụ thể, các thông tin này sẽ được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN. Nhà nước sẽ thừa nhận việc đăng ký thành lập doanh nghiệp bằng việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đây là bằng chứng pháp lý chứng minh chủ thể kinh doanh tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp, độc lập, bình đẳng với các chủ thể kinh doanh khác trong nền kinh tế thị trường và được Nhà nước công nhận và bảo hộ.

Thông qua hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp, các chủ thể sẽ được đảm bảo về quyền và nghĩa vụ, được xác lập một địa vị pháp lý hợp pháp để các chủ thể kinh doanh tiến hành mọi hoạt động kinh doanh chính thức trên thị trường trong nước cũng như thị trường nước ngoài. Do đó, hoạt động ĐKTLDN không chỉ áp dụng cho các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh là những doanh nghiệp mà ở đó còn áp dụng cho cả chủ thể hoạt động kinh doanh khác như hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hộ kinh doanh.

Căn cứ vào Điều 4 [Luật doanh nghiệp 2020](https://luatminhkhue.vn/luat-doanh-nghiep-so-68-2014-qh13.aspx): “*Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh*”. Vì vậy, doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế có tên riêng, quy tụ các phương tiện tài chính, vật chất và con người nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất, cung ứng, tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ, trên cơ sở tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng, thông qua tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu, đồng thời kết hợp một cách hợp lý các mục tiêu xã hội. Các bộ phận tập hợp trong doanh nghiệp bao gồm 4 phân hệ sau: sản xuất, thương mại, tổ chức, nhân sự. Các doanh nghiệp này gọi là doanh nghiệp Việt Nam khi được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam.

Vì vậy tại khoản 1 Điều 3 của [Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 về đăng ký DN](https://dangkykinhdoanh.gov.vn/Images/editor/files/283247.pdf), thì đăng ký doanh nghiệp: “*là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của Nghị định này*” Như vậy, đây là một thủ tục pháp luật theo quy định để khai sinh cho một doanh nghiệp; khi đó, doanh nghiệp được nhà nước thừa nhận và bảo hộ về mặt pháp lý kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thực tiễn pháp lý quốc tế cũng chỉ ra rằng thủ tục thành lập doanh nghiệp không chỉ là hành vi hành chính đơn thuần mà còn là biểu hiện của chính sách pháp luật trong việc thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia[[6]](#footnote-6). Mức độ đơn giản, minh bạch và chi phí thực hiện của thủ tục này thường được coi là chỉ số đánh giá chất lượng thể chế kinh tế trong nhiều bảng xếp hạng toàn cầu như Doing Business Index. Như vậy, khái niệm thủ tục thành lập doanh nghiệp cần được hiểu không chỉ dưới góc độ quy trình hành chính, mà còn là thiết chế pháp lý phản ánh cam kết của nhà nước trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền tự do kinh doanh của công dân.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu rằng *thủ tục thành lập doanh nghiệp là tập hợp các hoạt động cần thiết mà cá nhân hoặc tổ chức phải thực hiện theo thứ tự và cách thức luật định để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp* - một văn bản pháp lý xác lập tư cách pháp nhân của doanh nghiệp trong hệ thống pháp luật.

* + - 1. *Đặc điểm của thủ tục thành lập doanh nghiệp*

Thủ tục thành lập doanh nghiệp mang một số đặc điểm pháp lý cơ bản, thể hiện tính chất đặc thù và vai trò nền tảng trong việc thiết lập chủ thể kinh doanh hợp pháp.

*Thứ nhất*, đây là thủ tục mang tính bắt buộc - thủ tục gia nhập thị trường.

Đăng ký thành lập doanh nghiệp là thủ tục pháp lý quan trọng và bắt buộc để chủ thể kinh doanh gia nhập thị trường. Việc thành lập doanh nghiệp không thể được thực hiện một cách tùy tiện mà phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành[[7]](#footnote-7). Chủ thể kinh doanh sẽ phải đăng ký các thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập với cơ quan đăng ký kinh doanh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin cung cấp ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho chủ thể kinh doanh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là tiền đề, cơ sở để doanh nghiệp gia nhập thị trường, tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp dưới sự bảo hộ của nhà nước. Thông qua quá trình đăng ký thành lập doanh nghiệp, Nhà nước thừa nhận sự tồn tại của doanh nghiệp trên thị trường, qua đó cũng đảm bảo quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh. Bên cạnh đó phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước đối với các tổ chức kinh tế này. Như vậy TLDN được coi là thủ tục đầu tiên để tiến hành hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp. Tuy nhiên, “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” không phải “Giấy phép kinh doanh”. Các doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ngành, nghề có điều kiện chỉ được phép kinh doanh khi đã đáp ứng đủ các yêu cầu về điều kiện kinh doanh theo quy định của các VBQPPL chuyên ngành.

*Thứ hai*, thành lập doanh nghiệp là một thủ tục mang tính chất hành chính - pháp lý

Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một thủ tục mang tính chát hành chính để Nhà nước ghi nhận sự ra đời của doanh nghiệp. Chủ thể kinh doanh sẽ phải khai báo các thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập với cơ quan đăng ký kinh doanh. Nó không chỉ là việc khai báo thông tin mà còn là một quá trình được thực hiện dưới sự giám sát, xét duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trong bối cảnh phát triển của chính phủ điện tử, thủ tục này ngày càng được số hóa, giúp tăng cường tính minh bạch và giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp[[8]](#footnote-8). Tuy nhiên, tính hành chính của thủ tục cũng đòi hỏi các bên tham gia phải thực hiện đầy đủ, đúng trình tự và đúng thẩm quyền. Cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ căn cứ vào các quy định của pháp luật để xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho chủ thể kinh doanh. Như vậy, TLDN là một quan hệ hành chính, giữa một bên là cá nhân, tổ chức có nhu cầu TLDN và một bên là cơ quan quản lý hành chính nhà nước và toàn bộ quy trình đăng ký sẽ phải tuân theo quy định của pháp luật[[9]](#footnote-9).

*Thứ ba*, thủ tục thành lập doanh nghiệp còn có tính công khai và minh bạch.

Theo quy định, các thông tin cơ bản về doanh nghiệp phải được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các chủ thể khác tra cứu, đối chiếu và xác lập quan hệ pháp lý trên cơ sở tin tưởng và hợp pháp. Tính minh bạch này không chỉ tăng cường hiệu quả của thị trường mà còn là công cụ hữu hiệu để phòng, chống gian lận và cạnh tranh không lành mạnh.

* + 1. ***Vai trò, ý nghĩa của thủ tục thành lập doanh nghiệp***

Thuật ngữ “thủ tục thành lập doanh nghiệp” có thể được hiểu như một tập hợp các hành vi pháp lý và hành chính nhằm ghi nhận sự hình thành hợp pháp của một chủ thể kinh doanh là doanh nghiệp trên thị trường. Tùy theo góc tiếp cận, thủ tục này mang nhiều ý nghĩa khác nhau đối với Nhà nước, doanh nghiệp, xã hội và toàn bộ nền kinh tế

***Thứ nhất,*** *đối với Nhà nước*

Thành lập doanh nghiệp và đăng ký doanh nghiệp thể hiện sự bảo hộ của nhà nước bằng pháp luật đối với các chủ thể hoạt động kinh doanh nói chung và các chủ doanh nghiệp nói riêng. Hơn nữa, Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một công cụ quan trọng không thể thiếu để Nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân. Thông qua hoạt động ĐKTLDN, những thông tin về doanh nghiệp sẽ được lưu giữ tại cơ quan quản lý về số lượng, quy mô, địa bàn, hình thức ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp, thống nhất quản lý doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, thực hiện chức năng quản lý cơ cấu kinh tế - xã hội và kiểm soát được hoạt động kinh tế theo định hướng đề ra. Những số liệu chính xác về tình hình doanh nghiệp cũng là cơ sở quan trọng để Nhà nước hoạch định, xây dựng chính sách phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với quy luật phát triển của thị trường và đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong nền kinh tế thị trường, do chạy theo lợi nhuận nhiều chủ thể kinh doanh đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thông qua hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước có thể quản lý các chủ thể kinh doanh hoạt động theo đúng đường lối, chính sách, hạn chế những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, đồng thời định hướng cho nhà đầu tư hoạt động đúng mục đích, nhằm phát huy được hết vai trò của doanh nghiệp trong sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước. Đăng ký thành lập doanh nghiệp còn là một công cụ hữu hiệu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin về doanh nghiệp cung cấp với cơ quan đăng ký kinh doanh là căn cứ để Nhà nước kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chặt chẽ, khoa học, từ đó phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những sai phạm trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy, từ góc độ của Nhà nước, thủ tục thành lập doanh nghiệp là công cụ pháp lý thiết yếu giúp cơ quan nhà nước kiểm soát, định hướng và hỗ trợ sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

***Thứ hai,*** *đối với các chủ thể kinh doanh*

Đăng ký thành lập doanh nghiệp là cơ sở pháp lý để chủ thể kinh doanh tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp, độc lập, bình đẳng với các chủ thể kinh doanh khác trong nền kinh tế thị trường và được Nhà nước công nhận và bảo hộ. Thông qua việc đăng ký, doanh nghiệp gia nhập thị trường có tư cách pháp lý, có mã số doanh nghiệp, mã số thuế riêng và được hưởng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Với việc pháp luật thừa nhận thành lập doanh nghiệp, nghĩa là từ nay doanh nghiệp có cơ sở pháp lý chắc chắn để yêu cầu nhà nước đảm bảo các quyền lợi chính đáng của mình để có thể yên tâm kinh doanh.

Có thể thấy rằng, việc hoàn tất thủ tục thành lập là bước đi pháp lý đầu tiên để khẳng định sự tồn tại của doanh nghiệp trên thị trường. Thủ tục này mang tính quyết định đến tư cách pháp lý, khả năng tham gia các giao dịch dân sự và thương mại, đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các quyền lợi như vay vốn, thuê mặt bằng, ký kết hợp đồng... Đặc biệt, việc đăng ký giúp doanh nghiệp xây dựng niềm tin đối với đối tác và khách hàng. Ngoài ra, việc thực hiện nghĩa vụ đăng ký thể hiện cam kết tuân thủ luật pháp, qua đó góp phần tạo dựng hình ảnh doanh nghiệp minh bạch và chuyên nghiệp.

***Thứ ba,*** *đối với xã hội*

Đăng ký thành lập doanh nghiệp là thủ tục pháp lý khai sinh ra doanh nghiệp, mỗi thực thể kinh doanh ra đời với những ngành nghề kinh doanh nhất định sẽ cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phục vụ đời sống và sản xuất kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân trong xã hội, từ đó thúc đẩy nền kinh tế - xã hội của đất nước phát triển. Nói cách khác, từ góc nhìn xã hội, thủ tục thành lập doanh nghiệp đóng vai trò trong việc công khai hóa thông tin và nâng cao tính minh bạch. Khi thông tin đăng ký được công bố trên hệ thống thông tin quốc gia, người tiêu dùng, đối tác, tổ chức xã hội và công chúng có thể tiếp cận, đánh giá mức độ uy tín và hợp pháp của doanh nghiệp. Đây là cơ sở để xã hội tham gia giám sát hoạt động doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy tính trách nhiệm, trung thực trong kinh doanh và bảo vệ lợi ích công cộng[[10]](#footnote-10). Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ giúp cho doanh nghiệp được tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó còn góp phần giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định đời sống cho người lao động, giảm thiểu tỉ lệ lao động thất nghiệp, làm giảm bớt các tệ nạn trong xã hội.

***Thứ tư,*** *đối với nền kinh tế*

Về mặt kinh tế, thủ tục thành lập doanh nghiệp là một chỉ số phản ánh chất lượng môi trường kinh doanh. Các quốc gia có thủ tục đơn giản, minh bạch thường có tỷ lệ doanh nghiệp mới gia nhập thị trường cao hơn, tạo động lực cho đổi mới và tăng trưởng. Ngược lại, các thủ tục phức tạp, chi phí cao có thể cản trở hoạt động khởi nghiệp, làm giảm tính năng động của nền kinh tế. Theo Báo cáo Doing Business (2020), việc cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp đã giúp nhiều quốc gia rút ngắn thời gian khởi sự kinh doanh từ 30 ngày xuống còn dưới 10 ngày. Việt Nam cũng đang theo xu hướng này với việc triển khai hệ thống đăng ký trực tuyến, tích hợp liên thông với thuế và bảo hiểm xã hội.

Như vậy, thành lập doanh nghiệp không chỉ là đảm bảo quyền lợi cho người sáng lập lên doanh nghiệp mà còn góp phần đảm bảo trật tự quản lý cũng như sự phát triển cho đất nước. Chính vì vậy, có thể nói thành lập doanh nghiệp vừa là nhu cầu tất yếu vừa là đòi hỏi mang tính nghĩa vụ đối với mỗi doanh nghiệp trong sự phát triển kinh tế chung của cả nước.

* 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thủ tục thành lập doanh nghiệp
     1. ***Bảo đảm quyền tự do kinh doanh***

Quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của con người và được ghi nhận trong nhiều văn kiện pháp lý của Việt Nam cũng như quốc tế. Quyền này thể hiện ở khả năng lựa chọn hình thức, ngành nghề và quy mô hoạt động kinh doanh phù hợp với điều kiện của mỗi cá nhân hay tổ chức. Dưới góc độ pháp lý, việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh đồng nghĩa với việc Nhà nước có trách nhiệm thiết lập hệ thống pháp luật rõ ràng, minh bạch để công dân có thể tự do khởi sự kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải cách quy trình đăng ký doanh nghiệp, cũng như áp dụng công nghệ thông tin trong đăng ký kinh doanh là những minh chứng rõ ràng cho nỗ lực bảo vệ và thúc đẩy quyền tự do kinh doanh[[11]](#footnote-11).

Như vậy, quyền tự do kinh doanh là một trong nhưng quyền của con người phải được đảm bảo bằng pháp luật. Khi trở thành quyền pháp định, quyền con người trong kinh doanh sẽ được xã hội ghi nhận và được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật.

* + 1. ***Yếu tố về chính trị***

Môi trường chính trị có ảnh hưởng lớn đến việc khởi sự kinh doanh của chủ thể kinh doanh thể hiện trên các phương diện sau: bản chất chế độ và định hướng về chế độ chính trị của giai cấp thống trị; vai trò của nhà nước trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế; chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của đảng cầm quyền.

Tính ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết giúp hình thành môi trường kinh doanh thuận lợi. Một hệ thống chính trị ổn định sẽ góp phần thu hút đầu tư, tăng tính dự đoán và khuyến khích khởi sự doanh nghiệp. Các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động kinh doanh minh bạch và hiệu quả. Hơn nữa, sự cam kết của Chính phủ trong cải cách thủ tục hành chính và phát triển thể chế kinh tế hiện đại thể hiện rõ qua các chương trình hành động quốc gia[[12]](#footnote-12).

Yếu tố chính trị đóng vai trò nền tảng trong việc định hình và vận hành thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi Đảng và Nhà nước đặt mục tiêu phát triển khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Một hệ thống chính trị ổn định góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư, tạo điều kiện cho việc đơn giản hóa thủ tục hành chính và cải cách thể chế. Các chủ trương lớn như Nghị quyết số 68-NQ/TW (2023) và các văn bản hướng dẫn thi hành thể hiện cam kết mạnh mẽ từ cấp trung ương đến địa phương trong việc loại bỏ các rào cản pháp lý, thủ tục rườm rà, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và quyền bình đẳng trong tiếp cận thị trường. Những chính sách này không chỉ tạo môi trường pháp lý thuận lợi mà còn yêu cầu hệ thống hành chính chuyển từ tư duy “kiểm soát” sang “đồng hành”, từ đó giúp quá trình thành lập doanh nghiệp trở nên nhanh chóng, minh bạch và hiệu quả hơn. Đồng thời, việc thúc đẩy số hóa thủ tục, liên thông cơ sở dữ liệu và mô hình “một cửa” thể hiện rõ vai trò của yếu tố chính trị trong việc thiết lập hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp bền vững. Như vậy, yếu tố chính trị không chỉ ảnh hưởng đến nội dung pháp lý của thủ tục thành lập doanh nghiệp mà còn quyết định mức độ thực thi và hiệu quả của cải cách thể chế trong phát triển kinh tế tư nhân.

* + 1. ***Yếu tố kinh tế***

Môi trường kinh tế tác động trực tiếp đến quyết định thành lập doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh lạm phát, lãi suất, tỷ giá và tăng trưởng GDP. Những biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn, mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong điều kiện kinh tế ổn định, các chủ thể có xu hướng tích cực hơn trong khởi sự kinh doanh, do khả năng hoàn vốn cao hơn và niềm tin thị trường tăng lên. Ngoài ra, các chính sách tài khóa và tiền tệ của Nhà nước cũng đóng vai trò điều tiết, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thông qua các công cụ như giảm thuế, hỗ trợ lãi suất, hay tín dụng ưu đãi[[13]](#footnote-13)

* + 1. ***Yếu tố văn hóa xã hội***

Môi trường văn hóa - xã hội bao gồm những chuẩn mực và giá trị được chấp nhận và tôn trọng bởi một xã hội hoặc một nền văn hóa cụ thể. Sự thay đổi của các yếu tố văn hóa - xã hội có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các họat động kinh doanh như: những quan niệm về đạo đức, thẩm mỹ, lối sống, nghề nghiệp, phong tục, tập quán, truyền thống, trình độ nhận thức, học vấn chung của xã hội...

Các giá trị, chuẩn mực văn hóa và đạo đức xã hội có ảnh hưởng đến hành vi kinh doanh và định hướng khởi nghiệp của cá nhân. Ở những cộng đồng có truyền thống trọng thương mại và đề cao sáng tạo, tỷ lệ thành lập doanh nghiệp có xu hướng cao hơn. Đồng thời, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cũng là yếu tố then chốt góp phần xây dựng niềm tin và uy tín trên thị trường. Vì vậy, việc xây dựng một môi trường văn hóa - xã hội ủng hộ khởi nghiệp và kinh doanh là điều kiện không thể thiếu để thúc đẩy tinh thần doanh nhân.

* + 1. ***Yếu tố về công nghệ thông tin***

Trong nền kinh tế tri thức, môi trường thông tin hay nguồn thông tin bên ngoài có giá trị cực kỳ quan trọng đối với mọi chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Việc nắm bắt kịp thời, chính xác và tính dự báo của thông tin quyết định sự thành công không chỉ của doanh nghiệp mà cả nền kinh tế một quốc gia.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận, xử lý và minh bạch hóa thông tin liên quan đến thủ tục thành lập doanh nghiệp. Hệ thống đăng ký kinh doanh điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến, và cơ sở dữ liệu quốc gia đã tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể kinh doanh tra cứu thông tin, hoàn tất hồ sơ và thực hiện nghĩa vụ đăng ký một cách nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí. Sự phát triển của công nghệ không chỉ giúp cải thiện hiệu suất hành chính mà còn tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền.

* 1. **Pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp**
     1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp

*\* Khái niệm pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp*

Pháp luật là một công cụ hữu hiệu để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý. Bất kỳ một quan hệ nào phát sinh trong đời sống xã hội cũng cần đến sự điều chỉnh của pháp luật nhằm định hướng chúng đi theo một trật tự nhất định. Điều đó vừa đảm bảo được lợi ích của Nhà nước, của chủ thể kinh doanh, và cũng đảm bảo được lợi ích chung của toàn xã hội. Đối với hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp, việc tạo lập khung pháp lý để điều chỉnh là hết sức cần thiết, và tất yếu khách quan. Khung pháp lý ấy không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể thực hiện đăng ký doanh nghiệp mà còn giúp Nhà nước dễ dàng trong quản lý doanh nghiệp.

Trong quá trình thực thi thủ tục đăng ký kinh doanh, cả doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như các cơ quan nhà về kinh tế có liên quan đều phải chịu sự tác động và điều chỉnh của pháp luật, vì vậy, có thể đưa ra khái niệm: *“Pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp của người thành lập doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh”.*

Theo khái niệm trên, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp được hiểu là những quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ xã hội giữa chủ thể thành lập doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, các biện pháp chế tài để đảm bảo việc đăng doanh nghiệp được thực hiện đúng pháp luật và những vấn đề khác liên quan đến hoạt động đăng ký doanh nghiệp.

Sự quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp là một tất yếu khách quan, tạo ra những đảm bảo pháp lý về điều kiện, trình tự, thủ tục, để chủ thể kinh doanh vận dụng khởi sự doanh nghiệp, yên tâm khi lựa chọn một mô hình kinh doanh. Thông qua việc ban hành những qui phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp để nhà nước ghi nhận sự ra đời của một thực thể kinh doanh, đồng thời kiểm soát quá trình hình thành, phát triển của một loại hình kinh doanh theo hướng tích cực, loại bỏ những doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật ngay từ đầu, nhằm tạo nên một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, đảm bảo những lợi ích của nền kinh tế thị trường.

Mặt khác, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp không chỉ phản ánh quy trình thành lập doanh nghiệp mà còn điều chỉnh những yêu cầu về hành vi kinh doanh của chủ thể kinh doanh sau khi thành lập đi vào hoạt động, tăng cường khâu hậu kiểm, trách nhiệm pháp lý của các chủ thể kinh doanh thực hiện đúng cam kết của mình khi thành lập doanh nghiệp.

Như vậy, khái niệm pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp không chỉ giới hạn trong Luật Doanh nghiệp, mà sẽ còn bao hàm cả những quy phạm pháp luật của Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Luật Đầu tư, một số đạo luật chuyên ngành, văn bản dưới luật... là khái niệm có nội hàm rộng. Bên cạnh đó, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp còn được hiểu theo nghĩa hẹp, đó là các QPPL do nhà nước ban hành được quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản dưới luật điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh trong quá trình thành lập doanh nghiệp. Trong phạm vi đề án này các quy định pháp luật được nghiên cứu chủ yếu là các quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp năm 2020 và một số văn bản có liên quan.

Hiện nay, pháp luật về đăng ký doanh nghiệp được hiểu là tổng hợp những quy định về giá trị pháp lý của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, điều kiện kinh doanh, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, các biện pháp chế tài để đảm bảo việc đăng ký doanh nghiệp được thực hiện đúng pháp luật.

*\* Đặc điểm của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp*

Pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp là một bộ phận quan trọng trong hệ thống pháp luật kinh doanh, có vai trò điều chỉnh các quan hệ pháp lý phát sinh trong quá trình một chủ thể tiến hành các hoạt động pháp lý nhằm hình thành một chủ thể kinh doanh độc lập. Khác với nội dung quy định về bản thân thủ tục hành chính, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp phản ánh ý chí nhà nước trong việc tổ chức, thiết lập và điều chỉnh trật tự pháp lý ban đầu của hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống pháp luật này có những đặc điểm pháp lý cơ bản, thể hiện ở một số khía cạnh như sau:

*Thứ nhất*, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp mang tính công khai, minh bạch và định hướng hành chính hóa cao.

Trong bối cảnh nhà nước pháp quyền và môi trường kinh doanh hiện đại, hệ thống pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp được thiết kế để bảo đảm tính rõ ràng, dễ tiếp cận và có thể dự báo được cho người dân và doanh nghiệp. Theo Luật Doanh nghiệp 2020 của Việt Nam, quy trình thành lập doanh nghiệp được đơn giản hóa tối đa, với các bước thủ tục được công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, từ việc nộp hồ sơ, thời hạn giải quyết cho đến kết quả đăng ký. Tính công khai và minh bạch này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tạo thuận lợi cho hoạt động khởi sự kinh doanh, một yếu tố quan trọng trong cải thiện môi trường đầu tư.

*Thứ hai*, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp mang tính chất kỹ thuật - pháp lý cao.

Đây là lĩnh vực mà các quy định có tính chi tiết, cụ thể, với những yêu cầu chặt chẽ về hình thức và nội dung hồ sơ, quy trình xử lý và tiêu chí đánh giá hợp lệ. Việc xây dựng pháp luật trong lĩnh vực này đòi hỏi sự chính xác và tính hệ thống, bảo đảm không gây ra sự tùy tiện trong áp dụng, đồng thời cho phép các chủ thể có thể dễ dàng thực hiện quyền thành lập doanh nghiệp của mình. Theo nghiên cứu của OECD (2020), các quốc gia có khung pháp lý thủ tục thành lập doanh nghiệp càng rõ ràng, ổn định thì tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký mới càng cao và tỷ lệ hoạt động hiệu quả sau thành lập cũng được cải thiện rõ rệt[[14]](#footnote-14).

*Thứ ba*, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp phản ánh sự cân bằng giữa quyền tự do kinh doanh của cá nhân, tổ chức và nhu cầu quản lý nhà nước.

Tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp, song quyền này không phải là tuyệt đối mà cần được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật. Do đó, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp vừa bảo đảm quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức, ngành nghề kinh doanh, vừa đặt ra cơ chế kiểm soát ban đầu như kiểm tra điều kiện kinh doanh có điều kiện, giới hạn ngành nghề cấm, kiểm soát thông tin đăng ký để phòng ngừa gian lận pháp lý.

*Thứ tư*, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp có tính thích ứng và liên kết cao với các lĩnh vực pháp luật khác. Các quy định về đăng ký doanh nghiệp không vận hành độc lập mà thường xuyên gắn liền với các chế định trong pháp luật đầu tư, pháp luật thuế, pháp luật về chứng thực, pháp luật dân sự và pháp luật hành chính.

*Thứ năm*, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các chuẩn mực quốc tế và cải cách thể chế kinh doanh toàn cầu. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã tiếp thu nhiều khuyến nghị của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (World Bank), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) trong việc cải thiện chỉ số khởi sự kinh doanh. Những cải cách như rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, loại bỏ yêu cầu chứng thực một số loại giấy tờ, triển khai đăng ký trực tuyến... là minh chứng cho việc Việt Nam đang tiệm cận các thông lệ quốc tế trong lĩnh vực này[[15]](#footnote-15).

Tóm lại, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp mang trong mình những đặc điểm riêng biệt của một lĩnh vực pháp lý hành chính - kinh doanh đặc thù. Nó vừa phản ánh yêu cầu quản lý nhà nước, vừa bảo đảm quyền chủ động của các chủ thể trong nền kinh tế.

* + 1. Nguyên tắc cơ bản của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp

*Một là: Nguyên tắc đảm bảo quyền tự do kinh doanh*

Quyền tự do thành lập doanh nghiệp và đăng kí doanh nghiệp là nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, là tiền đề để thực hiện các quyền khác thuộc nội dung của quyền tự do kinh doanh. Để thực hiện quyền tự do kinh doanh, các tổ chức, cá nhân có quyền thành lập doanh nghiệp trước hết phải xác lập tư cách pháp lý cho doanh nghiệp, thông qua tư cách đó để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Khi thực hiện quyền tự do thành lập doanh nghiệp, các các tổ chức, cá nhân có khả năng quyết định lựa chọn mô hình kinh doanh và lĩnh vực, nghành nghề kinh doanh thích hợp để tiến hành hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Kể từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, nước ta chủ trương mở rộng quyền tự do thành lập doanh nghiệp cho nhiều đối tượng có khả năng đầu tư khác trong xã hội. Pháp luật về doanh nghiệp từng bước được cải thiện theo hướng ngày càng bảo đảm tốt hơn quyền tự do thành lập doanh nghiệp. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh được nhà nước cụ thể hóa trong nhiều nội dung pháp lý quan trọng, đặc biệt cụ thể trong Hiến pháp, các đạo luật để quy định cụ thể về địa vị pháp lý của doanh nghiệp, xác lập tư cách pháp lý cho doanh nghiệp. Với nguyên tắc tự do kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thành lập doanh nghiệp được coi là quyền cơ bản của nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc thành lập doanh nghiệp có ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của toàn xã hội. Vì vậy, việc thành lập doanh nghiệp phải được thực hiện trong khuôn khổ của pháp luật. Các quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp, một mặt phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh của chủ đầu tư, mặt khác phải đảm bảo yêu cầu quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp.

*Hai là:**Nguyên tắc đảm bảo quyền bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh*

Bình đẳng trước pháp luật là những nguyên lý của [pháp luật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Lu%E1%BA%ADt_ph%C3%A1p) được thể hiện qua các quy định cụ thể (các [quy phạm pháp luật)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quy_ph%E1%BA%A1m_ph%C3%A1p_lu%E1%BA%ADt) thiết lập về quyền được đối xử một cách như nhau, công bằng giữa mọi công dân trước pháp luật, theo đó, mọi [công dân,](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quy%E1%BB%81n_c%C3%B4ng_d%C3%A2n) [nam,](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam) [nữ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BB%A5_n%E1%BB%AF) thuộc các dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau trong một quốc gia đều không bị [phân biệt đối xử](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A2n_bi%E1%BB%87t_%C4%91%E1%BB%91i_x%E1%BB%AD) trong việc hưởng quyền, nghĩa vụ và chịu [trách nhiệm pháp lý](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tr%C3%A1ch_nhi%E1%BB%87m_ph%C3%A1p_l%C3%BD&action=edit&redlink=1) theo quy định của pháp luật.

*Theo Điều 7 Bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền:“Tất cả mọi người đều* [*bình đẳng*](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%C3%ACnh_%C4%91%E1%BA%B3ng&action=edit&redlink=1) *trước pháp luật, và phải được bảo vệ một cách bình đẳng, không kỳ thị phân biệt. Tất cả đều được quyền bảo vệ ngang nhau, chống lại mọi kỳ thị vi phạm Bản Tuyên Ngôn này, cũng như chống lại mọi k ch động dẫn đến kỳ thị như vậy*”.

*Điều 26 Công ước về quyền dân sự, chính trị năm 1966 của Liên Hợp quốc (trong đó Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982) “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào”*.

Về mặt này, pháp luật phải nghiêm cấm mọi sự phân biệt đối xử và đảm bảo cho mọi người sự bảo hộ bình đẳng và có hiệu quả chống lại những phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc các địa vị khác”.( *Điều 26 Công ước về quyền dân sự, chính trị năm 1966 của Liên Hợp quốc (trong đó Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982).*

Như vậy, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật là một nội dung xuyên suốt tư tưởng lập pháp của nước ta. Tuy nhiên, quyền bình đẳng của các chủ thể kinh doanh khi tham gia đăng ký kinh doanh đều có vị thế ngang nhau trước pháp luật và có quyền không bị phân biệt đối xử, trước pháp luật. Các chủ thể kinh doanh khi có nhu cầu khởi sự doanh nghiệp đều được hoạt động và chịu sự điều chỉnh trong cùng một chế định pháp luật về đăng ký kinh doanh sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ như nhau, không phân biệt quy mô, loại hình, lĩnh vực đầu tư, ngành nghề, số vốn... Đây là những quyền mà chủ thể kinh doanh có được trước pháp luật được nhà nước thừa nhận là quyền công dân, có tư cách pháp lý như nhau.

*Ba là****:*** *Nguyên tắc công khai, minh bạch trong đăng ký doanh nghiệp*

Hiện nay, nhà nước ta đang xây dựng nhà nước pháp *quyền “của dân, do dân và vì dân, mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân”* việc minh bạch trong hoạt động quản lý đăng ký kinh doanh là một điều đương nhiên để nhằm bảo đảm bản chất dân chủ của xã hội, thể hiện quyền của người dân trong việc tham gia quản lý nhà nước. Công khai, minh bạch là điều để các các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu kinh doanh họ sẽ biết được toàn bộ quy trình, thủ tục, các điều kiện cần và đủ cho công tác đăng ký doanh nghiệp. Chủ thể khởi sự doanh nghiệp sẽ dễ dàng tiếp cận được thông tin kể cả trong trường hợp có sự thay đổi, bổ sung các quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh. Đồng thời sự minh bạch công khai đòi hỏi các tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm khai báo thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trung thực, chính xác. Ngoài ra, khi đã công khai minh bạch khắc phục tệ quan liêu tham nhũng, làm trong sạch bộ máy quản lý, tránh việc nhũng nhiễu, cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn của chính các cán bộ làm công tác đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền giám sát, đánh giá cách làm việc của cán bộ công chức, để cần thiết có những chế tài xử lý đối với những bộ phận đó làm trong sạch bộ mày quản lý nhà nước. Do đó, công khai minh bạch trước hết là nhằm bảo đảm bản chất dân chủ của xã hội, thể hiện quyền của người dân trong việc tham gia quản lý nhà nước, đây cũng là một yêu cầu cần thiết để thành công trong hội nhập quốc tế.

* + 1. Nội dung cơ bản của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp

*Thứ nhất, pháp luật quy định về chủ thể thành lập doanh nghiệp*

Kết quả của thủ tục thành lập doanh nghiệp sẽ hướng đến tạo lập một chủ thể kinh doanh là doanh nghiệp. Khi tham gia vào thị trường, doanh nghiệp sẽ trở thành chủ thể của các giao dịch dân sự, thương mại, lao động…, tạo ra và chịu trách nhiệm về các quyền và nghĩa vụ tài sản. Do vậy, đối tượng có quyền thành lập doanh nghiệp phải là tổ chức, cá nhân có đủ khả năng và điều kiện phù hợp để chịu trách nhiệm về doanh nghiệp do mình khởi tạo.

Đối tượng có quyền thành lập doanh nghiệp là những tổ chức, cá nhân được pháp luật công nhận quyền thành lập doanh nghiệp. Trường hợp đối tượng có quyền thành lập DN là cá nhân, thì cá nhân đó phải có đủ năng lực hành vi dân sự để chịu trách nhiệm đối với DN do mình thành lập hoặc góp vốn thành lập. Nếu đối tượng có quyền thành lập DN là tổ chức thì tổ chức đó phải có tư cách pháp nhân, vì rằng, tổ chức chỉ có thể đầu tư vốn thành lập doanh nghiệp khi có tài sản độc lập và có khả năng chịu trách nhiệm độc lập bằng tài sản đó. Điều này là phù hợp và logic khi luật pháp của nước ta quy định “có tài sản độc lập” là điều kiện bắt buộc của một pháp nhân.

Hiện nay, pháp luật về đăng ký kinh doanh đã mở rộng đối tượng có quyền thành lập góp vốn có quyền đăng ký kinh doanh gồm: cá nhân và tổ chức thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật như: năng lực pháp lý (độ tuổi, khả năng nhận thức), quốc tịch (công dân Việt Nam hay công dân nước ngoài), khả năng tài chính (doanh nghiệp có lâm vào tình trạng phá sản không?) ngành nghề kinh doanh (tránh những ngành nghề bị cấm kinh doanh).

*\* Chủ thể thành lập doanh nghiệp là cá nhân*

Điều kiện độ tuổi áp dụng cho chủ thể kinh doanh là cá nhân, pháp luật kinh doanh ở mỗi một quốc gia có sự quy định khác nhau như: Pháp luật Việt Nam quy định cá nhân có quyền góp vốn thành lập doanh nghiệp khi đủ 18 tuổi. Pháp luật Malaysia quy định người sáng lập doanh nghiệp phải có đầy đủ năng lực pháp luật và đủ từ 21 tuổi trở lên được thành lập doanh nghiệp.

Năng lực pháp luật dân sự là khả năng hành động của chính chủ thể để thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ. Ngoài ra, năng lực hành vi dân sự còn bao hàm cả năng lực tự chịu trách nhiệm dân sự khi vi phạm nghĩa vụ dân sự. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự là hai thuộc tính tạo thành tư cách chủ thể độc lập của cá nhân trong các quan hệ dân sự.

Điều đó có nghĩa là cá nhân có khả năng nhận biết được hành vi của mình và chịu trách nhiệm về hành vi của mình theo quy định của pháp luật hiện hành, người từ 18 tuổi trở lên và không mắc bệnh tâm thần và các bệnh khác không thể nhận thức được hoặc làm chủ được hành vi của mình là người có năng lực hành vi trở thành chủ thể kinh doanh nếu như họ không có năng lực hành vi dân sự, vì khi thực hiện hành vi dân sự, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước nhà nước, trước khách hàng của mình. Do đó, người chưa thành niên chưa đạt điều kiện năng lực hành vi như bị hạn chế năng lực hành vi hoặc mất năng lực hành vi dân sự không thể trở thành chủ thể chủ thể kinh doanh.

Năng lực hành vi dân sự của cá nhân dựa trên cơ sở những nội dung cơ bản của luật dân sự, đồng thời cân có thể mở rộng hay hạn chế tuỳ thuộc vào quy định của pháp luật kinh doanh thương mại. Nếu như năng lực hành vi dân sự là điều kiện cần để cá nhân có thể trở thành chủ thể kinh doanh thì giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là điều kiện đủ để cá nhân có đủ tư cách pháp lý của nhà kinh doanh. Chỉ sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người kinh doanh mới được phép kinh doanh. Khi thực hiện hoạt động kinh doanh cá nhân sẽ tham gia vào quan hệ kinh doanh và trở thành chủ thể kinh doanh. Với mục đích đảm bảo quyền tự do kinh doanh đồng thời, nhằm huy động tối đa mọi nguồn vốn đầu tư cho hoạt động kinh doanh, pháp luật đăng ký doanh nghiệp Việt Nam hiện nay quy định một phạm vi rất rộng cho các chủ thể kinh doanh có nhu cầu khởi sự doanh nghiệp được ghi nhận và đảm bảo trong Luật doanh nghiệp năm 2020, Luật đầu tư năm 2020, Luật hợp tác xã năm 2013, v.v…Có thể nói, pháp luật đăng ký doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận một phạm vi rộng cho các đối tượng được quyền tham gia thành lập doanh nghiệp và đăng ký doanh nghiệp. Đây là sự mở rộng đáng kể để nhằm đáp ứng quyền tự do kinh doanh. Đồng thời với những quy định điều kiện về chủ thể có quyền thành lập doanh nghiệp là một quy định bắt buộc không thể thiếu được để nhằm đảm bảo chủ thể khi tham gia vào thương trường hoàn toàn có khả năng thực hiện được ý tưởng của mình, đạt được hiệu quả cao, góp phần tăng trưởng, phát triển kinh tế của đất nước, đồng thời gánh chịu được hậu quả pháp lý mà mình gây ra.

*\* Chủ thể thành lập doanh nghiệp là tổ chức*

Một tổ chức muốn thành lập doanh nghiệp phải bảo đảm được thành lập hợp pháp (tổ chức được xem là thành lập hợp pháp khi tổ chức này được thành lập theo đúng trình tự thủ tục luật định). Đồng thời, tổ chức này phải có thẩm quyền kinh doanh: Thẩm quyền trong kinh doanh là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh mà pháp luật ghi nhận. Thẩm quyền này tương ứng với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực họat động của chủ thể. Đó chính là những giới hạn pháp lý mà trong đó tổ chức muốn trở thành chủ thể kinh doanh được hoạt động hoặc không được phép hoạt động.

*Thứ hai, pháp luật quy định về thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp*

Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của mình hợp pháp người có quyền thành lập doanh nghiệp sẽ phải tiến hành đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký doanh nghiệp với toàn bộ những thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập. Khi tiến hành đăng ký thành lập doanh nghiệp chủ thể kinh doanh là tổ chức, cá nhân mới được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh như: sản xuất, trao đổi, mua bán, thực hiện các dịch vụ.. .Như vậy, thủ tục đăng ký doanh nghiệp là một thủ tục hành chính, ở đó cơ quan đăng ký doanh nghiệp sẽ đưa ra một quyết định hành chính cho phép một cá nhân hoặc một tổ chức được thành lập doanh nghiệp hoặc được tiến hành một hoạt động kinh doanh nào đó. Quyết định của cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thể hiện dưới hình thức *“giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”*.Thông qua việc cấp *“giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”* là một biện pháp quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, hạn chế hoạt động kinh doanh trái pháp luật, đồng thời qua đó Nhà nước nắm bắt được tình hình phát triển kinh tế trong các ngành, các lĩnh vực từ đó và có các chính sách thích hợp để điều tiết nền kinh tế. Ngoài ra, việc cấp giấy phép còn góp phần đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người kinh doanh và người tiêu dùng.

Theo pháp luật đăng ký doanh nghiệp quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp là những quy định về cơ quan nào có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ chuẩn bị những gì, lệ phí đăng ký, đăng ký ở đâu, đăng ký bằng hình thức nào, thời gian để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Với những quy định nêu trên, thủ tục đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo ba bước: (i) Giai đoạn chuẩn bị thành lập; (ii) Giai đoạn tiến hành các thủ tục tại cơ quan đăng ký doanh nghiệp; (iii) Giai đoạn sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Giai đoạn chuẩn bị thành lập doanh nghiệp là giai đoạn “vạn sự khởi đầu nan”, chủ thể kinh doanh phải chuẩn bị rất nhiều điều kiện đảm bảo để cho ra đời doanh nghiệp như: dự định số người tham gia thành lập, mô hình kinh doanh, số vốn, ngành nghề kinh doanh; đặt tên doanh nghiệp, dự định trụ sở làm việc, điều lệ hoạt động doanh nghiệp...

Giai đoạn tiến hành thủ tục đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Ở giai đoạn này khi doanh nghiệp thỏa mãn các điều kiện của pháp luật, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Giai đoạn sau khi nhận được giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp có tư cách thương nhân và được phép đi vào hoạt động nên giai đoạn sau khi nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải tiến hành công khai hóa hoạt động của mình trên các phương tiện đại chúng như: đăng báo bố cáo về việc thành lập doanh nghiệp để các đối tác có điều kiện tiếp cận thông tin tìm hiểu và hợp tác kinh doanh, đồng thời doanh nghiệp phải làm thủ tục khắc dấu... Đây là giai đoạn cuối cùng của việc khởi sự thành lập doanh nghiệp.

Như vậy, pháp luật đăng ký doanh nghiệp quy định về thủ tục đăng ký doanh nghiệp hướng đến mục đích quản lý doanh nghiệp ngay từ khâu chuẩn bị cho đến khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhằm tránh việc doanh nghiệp khi được thành lập nhưng trên thực tế không hoạt động, hoặc hoạt động không hiệu quá. Cũng từ đây pháp luật về đăng ký doanh nghiệp cần tăng cường từ khâu tiền kiểm sang khâu hậu kiểm.

**Kết luận chương 1**

Thành lập doanh nghiệp được nhìn nhận dưới nhiều phương diện như kinh tế, chính trị, quản lý nhà nước và pháp lý. Ở phương diện pháp lý, đăng ký doanh nghiệp được hiểu là một hoạt động pháp lý trong đó doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh nhằm ghi nhận sự ra đời của doanh nghiệp và xác định địa vị pháp lý của doanh nghiệp trên thị trường. Trong quá trình thực thi thủ tục đăng ký doanh nghiệp, cả doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh đều phải chịu sự tác động và điều chỉnh của pháp luật, vì vậy, có thể đưa ra khái niệm: “*Pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh giữa tổ chức, cá nhân có quyền thành lập doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh*”.

Ngoài ra, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp có đặc điểm riêng như: mang tính công khai, minh bạch và định hướng hành chính hóa cao, mang tính chất kỹ thuật - pháp lý với nhiều quy định cụ thể, chi tiết, phản ánh sự cân bằng giữa quyền tự do kinh doanh của cá nhân, tổ chức và nhu cầu quản lý nhà nước, có tính thích ứng và liên kết cao với các lĩnh vực pháp luật khác và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các chuẩn mực quốc tế và cải cách thể chế kinh doanh toàn cầu.

Thông qua những đặc điểm riêng đó để nhận biết được những nguyên tắc cơ bản về quyền tự do kinh doanh, đảm bảo sự bình đẳng, tính công khai minh bạch trong thủ tục thành lập doanh nghiệp. Nội dung chính của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp đó là những quy phạm pháp luật điều chỉnh về địa vị pháp lý của chủ thể là tổ chức, cá nhân là người có quyền thành lập doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh, quy phạm quy định về thủ tục đăng ký doanh nghiệp, quy phạm quy định về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**CHƯƠNG 2**: **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

* 1. **Thực trạng pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp**

Hiện nay, quy định của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp được quy định tại các văn bản pháp luật, gồm: Hiến pháp năm 2013, [Luật Doanh nghiệp 2020](https://bachkhoaluat.vn/van-ban-luat/14404/luat-doanh-nghiep-2020); Luật Đầu tư 2020; [Nghị định 47/2021/NĐ-CP](https://bachkhoaluat.vn/van-ban-luat/34087/nghi-dinh-47-2021-ndcp-huong-dan-luat-doanh-nghiep) Chính phủ ban hành ngày 01/04/2021 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; [Nghị định 01/2021/NĐ-CP](https://bachkhoaluat.vn/van-ban-luat/30763/nghi-dinh-01-2021-ndcp-ve-dang-ky-doanh-nghiep) Chính phủ ban hành ngày 01/04/2021 về đăng ký doanh nghiệp, Bộ luật dân sự 2015 và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan.Với hệ thống các quy định pháp luật hiện hành về điều chỉnh nội dung pháp luật về đăng ký doanh nghiệp như sau:

* + 1. Các quy định về điều kiện thành lập doanh nghiệp

Điều kiện TLDN là những yêu cầu do Nhà nước đặt ra buộc nhà đầu tư phải đáp ứng khi TLDN. Về lý thuyết, việc đặt ra các điều kiện TLDN là sự can thiệp của Nhà nước vào quyền tự do kinh doanh. Sự can thiệp này được lý giải là nhằm bảo vệ môi trường kinh doanh, bảo vệ các nhà đầu tư và bảo vệ người tiêu dùng. Các điều kiện về TLDN bao gồm điều kiện về chủ thể thành lập DN và điều kiện về các ngành nghề kinh doanh tương ứng. Ngoài ra, nhà đầu tư phải tuân thủ các quy tắc bắt buộc trong việc đặt tên cho DN, trụ sở của DN, loại hình DN phù hợp và vốn tương ứng[[16]](#footnote-16).

***Một là*, điều kiện về chủ thể thành lập doanh nghiệp**

* + - * *Chủ thể kinh doanh là cá nhân:*

Hình thành nên hoạt động kinh doanh có thể nói đến đầu tiên chính là các cá nhân, họ được gọi là những “*nhà buôn*” để trao đổi mua bán hàng hóa với nhau. Pháp luật các quốc gia quy định về chủ thể kinh doanh là cá nhân với các tên gọi khác nhau như: Anh gọi là “*Sole Trader*”, Mỹ gọi là “*Sole Propriertorship*”, Pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật Thái Lan, Philippines gọi là “*doanh nghiệp tư nhân*”. Để đảm bảo là một chủ thể kinh doanh là cá nhân khi muốn thực hiện hành vi kinh doanh thỏa mãn các điều kiện như sau:

- Năng lực pháp lý theo Điều 16 và Điều 19 BLDS năm 2015 (độ tuổi, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của cá nhân), quốc tịch (công dân trong nước hay công dân nước ngoài…); lý lịch tư pháp (có phạm tội hay không, có bị cấm kinh doanh không?…). Việc quy định cá nhân là chủ thể kinh doanh phải thỏa mãn điều kiện năng lực pháp lý là điều hết sức quan trọng. Bởi trong hoạt động kinh doanh việc chủ thể là cá nhân phải luôn biết xác lập nên quyền và nghĩa vụ, biết hưởng quyền, khả năng gánh chịu hậu quả do hành vi của mình gây ra.

Thương trường là nơi diễn ra mọi hoạt động kinh doanh, nếu một chủ thể kinh doanh chưa đạt được độ tuổi nhất định, không có năng lực pháp lý thì không thể thực hiện hoạt động kinh doanh được.

- Khả năng tài chính (điều kiện về vốn, có đang lâm vào tình trạng phá sản không?...), đổi với những ngành nghề có điều kiện đòi hỏi chủ thể kinh doanh phải thỏa mãn những điều kiện kinh doanh đó.

Cá nhân có năng lực hành vi dân sự mới là điều kiện cần. Để trở thành chủ thể kinh doanh, phần lớn các cá nhân còn phải đăng ký kinh doanh ở các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chỉ sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cá nhân mới có năng lực pháp luật trong quan hệ kinh doanh, có quyền hoạt động kinh doanh và khi đó mới chính thức trở thành chủ thể kinh doanh.

Như vậy, một cá nhân khi thực hiện kinh doanh thương mại trong các hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, xúc tiến thương mại, đầu tư nhằm mục đích sinh lời cần phải thỏa mãn các điều kiện trên mới được coi là chủ thể hoạt động kinh doanh thương mại.

* + - * *Chủ thể kinh doanh là pháp nhân:*

Bên cạnh đối tượng tham gia hoạt động kinh doanh thương mại là cá nhân thì còn có chủ thể kinh doanh là pháp nhân. Đây là những doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện để thành lập doanh nghiệp theo quy định của LDN và các luật liên quan.

Hiện nay, pháp luật các quốc gia quy định và tạo điều kiện cho các chủ thể hoạt động kinh doanh có tư cách pháp nhân là một điều hết sức cần thiết bởi việc sinh ra một pháp nhân hoạt động kinh doanh vừa mang yếu tố phát triển của một nền kinh tế đồng thời vừa mang yếu tố xã hội mà ngày nay người ta hay đánh giá vai trò xã hội của doanh nghiệp.

Theo Điều 74 BLDS năm 2015 quy định về pháp nhân: “*Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này; Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.”*

Như vậy, pháp nhân là doanh nghiệp luôn thống nhất, độc lập, hợp pháp có tài sản riêng và chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình, nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Việc quy định điều kiện để chủ thể là pháp nhân khi trở thành chủ thể hoạt động kinh doanh thương mại để yêu cầu chủ thể đó hoạt động kinh doanh phải hoạt động đúng mục đích, khi thay đổi mục đích kinh doanh phải thực hiện đăng ký thay đổi tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập để hưởng quy chế pháp lý pháp nhân.

Tóm lại, việc phân chia các chủ thể kinh doanh như trên là căn cứ vào đặc điểm và tính chất pháp lý, kinh tế của chúng mà từ đó phân biệt và lường trước những vấn đề và yêu cầu liên quan đến trình tự, thủ tục cần thiết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, xuất phát từ đặc điểm của từng loại chủ thể.

Điều kiện về tư cách pháp lý của chủ thể thành lập và quản lý doanh nghiệp được quy định cụ thể, chi tiết tại Điều 18 LDN năm 2020 (sửa đổi 2025), theo đó tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật này. Điều 18 quy định 06 nhóm đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp như sau:

* Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

Các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang là cơ quan thực hiện chức năng chuyên môn, tính chất quyền lực của các cơ quan này được thể hiện rõ nét; quy định các chủ thể này không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp bởi nếu cho các chủ thể này tham gia kinh doanh sẽ dẫn đến hiện tượng quyền lực chính trị thao túng thị trường kinh tế, mất đi sự bình đẳng cũng như sự tự do trong kinh doanh.

* Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

Luật Cán bộ công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010, Luật cán bộ, công chức và luật viên chức sửa đổi 2019 và đặc biệt Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 không cho phép cán bộ, công chức, viên chức được thành lập doanh nghiệp. Khoản 4 Điều 20 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 quy định người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được thực hiện hành vi sau: “*Thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, trừ trường hợp luật có quy định khác*”, “*Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan nhà nước không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước hoặc để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề do người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước*. Cán bộ, công chức, viên chức còn “*không được kinh doanh trong lĩnh vực mà mình có trách nhiệm quản lý sau khi rời chức vụ trong một thời hạn nhất định theo quy định của Chính phủ*”[[17]](#footnote-17)

Công chức là những người làm việc trong cơ quan Nhà nước. Trong nhiều trường hợp, công chức giữ vai trò quản lý Nhà nước trong ngành, nghề, lĩnh vực nhất định. Với vị trí đó, việc không cho phép công chức thành lập doanh nghiệp được cho là biện pháp ngăn chặn tình trạng tham nhũng có thể xảy ra. Công chức vừa đồng thời là người quản lý, vừa đồng thời là người kinh doanh sẽ dễ dẫn đến tiêu cực, dễ biến doanh nghiệp trở thành “*sân sau*” của mình để thu lợi bất chính. Cũng vì lý do đó, pháp luật Việt Nam quy định cán bộ, công chức, viên chức không được tham gia thành lập và quản lý doanh nghiệp.

Tuy nhiên, theo quy định của LDN sửa đổi 2025 thì đối tượng bị cấm này được sửa đổi là: “*Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, trừ trường hợp được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*”.

* Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Đây là chủ thể thực hiện chức năng nghiệp vụ liên quan tới an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Lợi ích quốc gia luôn được đề cao và tôn trọng tuyệt đối. Cấm các chủ thể trên tham gia thành lập doanh nghiệp, một mặt để họ tập trung vào nhiệm vụ chuyên môn quan trọng mà không bị gián đoạn hay phân tán tư tưởng, mặt khác tránh sự lấn áp của quyền lực chính trị đối với quyền năng kinh tế.

* Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp bao gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban kiểm soát, Trưởng, phó các phòng ban nghiệp vụ. Trưởng chi nhánh và văn phòng đại diện của các doanh nhiệp Nhà nước[[18]](#footnote-18). Đây là những người được nhà nước giao nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp nhà nước, những doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong nền kinh tế đất nước. Do nước ta là một nước đang phát triển nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp nhà nước vẫn đang giữa vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Pháp luật cấm họ không được thành lập và quản lý doanh nghiệp là nhằm tạo điều kiện cho họ tập trung vào công việc quản lý đó để đạt được hiệu quả cao. Đồng thời, pháp luật quy định như vậy cũng là để tránh sự tham ô, quan liêu của những người cán bộ lãnh đạo trong việc sử dụng nguồn vốn nhà nước, tránh việc dùng tiền công để phục vụ lợi ích tư trong quá trình thành lập và quản lý các doanh nghiệp khác.

* Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân.

Những người chưa thành niên, tức là chưa có độ tuổi pháp định. Như đã phân tích ở trên thì nhóm người này không thể tham gia thành lập và quản lý doanh nghiệp bởi tính trách nhiệm chưa được hoàn toàn đặt ra với họ. Các trường hợp bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự không thể làm chủ được hành vi của mình do đó cũng không thể thành lập và quản lý doanh nghiệp. Việc bổ sung thêm “*tổ chức không có tư cách pháp nhân*” không được thành lập và quản lý doanh nghiệp, nhằm tránh rủi ro kinh doanh cho đối tác, bạn hàng và cho chính họ, gây ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế.

* Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng.

Các đối tượng này không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp vì quyền tự do này của họ đã bị hạn chế hoặc đã bị tước bỏ. Nếu để họ kinh doanh sẽ ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, phá vỡ trật tự trong kinh doanh, phương hại cho xã hội, cho khách hàng.

Ngoài ra, trường hợp cơ quan ĐKKD có yêu cầu, người ĐKTLDN phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan ĐKKD. Đây là quy định mới của LDN năm 2014, tuy nhiên đây không phải là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp mà chỉ là quy định trong một số trường hợp nhất định khi cơ quan ĐKKD có yêu cầu.

Quy định về chủ thể được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp của LDN năm 2014 tương đối rộng. Quy định về các chủ thể bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp khá đầy đủ và phù hợp. Luật doanh nghiệp năm 2020 đã bổ sung thêm 04 nhóm đối tượng không được phép thành lập, quản lý doanh nghiệp, bao gồm:

“ *- Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;*

* *Công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam (trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp);*
* *Người đang bị tạm giam;*
* *Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự*.”

Về cơ bản, việc bổ sung các nhóm đối tượng trên vào diện không được thành lập và quản lý doanh nghiệp là để tương thích với các liên quan như Luật Phòng, chống tham nhũng, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự. Dù vậy, để xác định các nhóm đối tượng trên thì cần phải có căn cứ theo quy định của pháp luật, chẳng hạn như người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì phải có quyết định tuyên bố của Tòa án; pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh thì cũng phải thuộc trường hợp pháp nhân thương mại phạm tội và có Bản án có hiệu lực của Tòa án.

Đối với quy định người đang bị tạm giam không được thành lập và đăng ký doanh nghiệp, mặc dù đây là quy định mới nhưng có vẻ như đã trùng lặp với nhóm đối tượng “*đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự*” được quy định trước đó. Bởi lẽ tạm giam là một biện pháp ngăn chặn được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người đang bị xem xét (truy cứu) trách nhiệm hình sự nên đã bị tạm giam thì đã đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự rồi. Do đó, bổ sung thêm nhóm đối tượng người đang bị tạm giam bên cạnh nhóm đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự là không thật sự cần thiết. Bên cạnh đó, dù người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, kể cả người bị giam thì vẫn chưa bị coi là có tội. Hiến pháp quy định rõ người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Vậy nên LDN năm 2020 cấm người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người đang bị tạm giam thành lập và quản lý doanh nghiệp thì chưa thực sự phù hợp với quyền công dân, quyền tự do kinh doanh mà Hiến pháp quy định.

Pháp luật không hạn chế số lượng DN mà tổ chức, cá nhân có quyền thành lập. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 180, Điều 188 LDN năm 2020 thì mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân hoặc một hộ kinh doanh hoặc làm thành viên hợp danh của một công ty hợp danh, trừ trường hợp các thành viên hợp danh còn lại có thỏa thuân khác.

*Đối với người nước ngoài và tổ chức nước ngoài muốn thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam:*

Dưới góc nhìn pháp lý và trong khuôn khổ pháp luật đầu tư - kinh doanh của Việt Nam, việc người nước ngoài thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam là vấn đề được điều chỉnh chặt chẽ bởi hệ thống pháp luật nhằm vừa tạo môi trường đầu tư thông thoáng, vừa đảm bảo an ninh, trật tự và lợi ích quốc gia. Theo Luật Đầu tư 2020, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, điều kiện để nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam bao gồm các điều kiện chung áp dụng cho mọi nhà đầu tư và các điều kiện riêng áp dụng tùy theo quốc tịch, ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động đầu tư.

Thứ nhất, về tư cách chủ thể, cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài được công nhận là “nhà đầu tư nước ngoài” theo khoản 19 Điều 3 Luật Đầu tư 2020, bao gồm cá nhân có quốc tịch nước ngoài hoặc tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Các cá nhân này phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc diện bị cấm đầu tư tại Việt Nam. Với tổ chức nước ngoài, pháp nhân phải được thành lập hợp pháp ở nước sở tại, có đại diện hợp pháp và đảm bảo không vi phạm pháp luật quốc tế hoặc các điều ước mà Việt Nam là thành viên.

Thứ hai, người nước ngoài khi thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam cần tuân thủ điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, được quy định tại Điều 9 Luật Đầu tư 2020 và chi tiết hóa trong Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Các điều kiện tiếp cận thị trường được xác định dựa trên ngành nghề đầu tư kinh doanh và có thể bao gồm: (i) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ; (ii) hình thức đầu tư; (iii) phạm vi hoạt động; (iv) năng lực của nhà đầu tư; và (v) đối tác Việt Nam cùng tham gia đầu tư (nếu có yêu cầu). Đối với những ngành nghề không bị hạn chế, nhà đầu tư nước ngoài được tiếp cận thị trường như nhà đầu tư trong nước. Tuy nhiên, trong các lĩnh vực có điều kiện (như ngân hàng, viễn thông, giáo dục…), nhà đầu tư nước ngoài cần đáp ứng thêm các điều kiện cụ thể hoặc được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 17 LDN năm 2020 đều có quy định các cá nhân, tổ chức không có quyền mua cổ phần của CTCP, góp vốn vào công ty TNHH, công ty hợp danh:

* Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;
* Đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. LDN năm 2020 quy định cụ thể phạm vi trong “*Luật cán bộ công chức, Luật Viên chức, Luật phòng, chống tham nhũng*”.

***Hai là*,** *điều kiện về số lượng thành viên và cơ chế quản lý, điều hành doanh nghiệp*

Theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hiện nay Việt Nam ghi nhận có 05 loại hình doanh nghiệp chính, đó là CTCP, công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân. Mỗi loại đều có những quy định riêng về số lượng thành viên, cơ cấu tổ chức quản lý như sau:

* *Doanh nghiệp tư nhân*: doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp tư nhân là một cá nhân. Doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân. Chủ doanh nghiệp tư nhân là đại diện theo Pháp luật của doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
* *Công ty hợp danh:* Công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó: Phải có ít nhất hai thành viên hợp danh; ngoài các thành viên hợp danh, có thể có thành viên góp vốn; Thành viên hợp danh phải là cá nhân, có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty; Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  + *Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:* Công ty TNHH một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu; chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.
  + *Công ty TNHH có hai thành viên trở lên:* Công ty TNHH có hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50. Công ty TNHH hai thành viên trở lên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
  + *Công ty cổ phần*: CTCP là doanh nghiệp, trong đó: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết; Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 (ba) và không hạn chế số lượng tối đa.

Để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người góp vốn vào DN và các đối tác khác, pháp luật Việt Nam có các quy định liên quan đến số thành viên, cơ chế quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải có điều lệ hoạt động rõ ràng và phải thỏa mãn các điều kiện về số lượng thành viên tối thiểu, số thành viên tối đa theo quy định của pháp luật. Trường hợp DN không đủ số thành viên tối thiểu trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục thì phải giải thể. Bên cạnh đó, DN phải xác định và đăng ký người đại diện theo pháp luật trong quan hệ với cơ quan nhà nước, với các DN khác và khách hàng. Trường hợp thay đổi người đại diện, DN phải thực hiện thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

***Thứ ba*, điều kiện về ngành, nghề đăng ký kinh doanh**

Doanh nghiệp có quyền chủ động lựa chọn những ngành nghề kinh doanh và có nghĩa vụ đăng ký khi thành lập cũng như khi thay đổi ngành nghề kinh doanh. Hoạt động của doanh nghiệp phải phù hợp với những ngành nghề kinh doanh đã đăng ký. Theo pháp luật hiện hành, có ba nhóm ngành, nghề đầu tư kinh doanh như sau:

* *Nhóm thứ nhất, ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh*
* Ngành, nghề bị cấm đầu tư kinh doanh là những ngành nghề thuộc các lĩnh vực đầu tư mà hoạt động của doanh nghiệp có thể gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam, và sức khỏe của nhân dân; làm hủy hoại tài nguyên, phá hoại môi trường. Người đầu tư thành lập doanh nghiệp chỉ được đăng ký hoạt động trong những ngành nghề, lĩnh vực đầu tư không bị cấm. Những hoạt động kinh doanh bị cấm được quy định cụ thể trong Điều 6, Luật Đầu tư năm 2020 và nghị định 31/2021/NĐ-CP như sau. Kế thừa LĐT và LDN năm 2014, LĐT năm 2020 đã có một số sửa đổi, bổ sung mới phù hợp với tình hình phát triển kinh tế hiện nay của nước ta, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Theo đó, Điều 6 LĐT năm 2020 đã bổ sung thêm một số hoạt động đầu tư kinh doanh bị cấm như: Bào thai người; Kinh doanh pháo nổ; Kinh doanh dịch vụ đòi nợ.

Trong những ngành nghề bổ sung trên thì ngành nghề kinh doanh dịch vụ đòi nợ đang từ nhóm ngành nghề kinh doanh có điều kiện, bị chuyển sang ngành nghề cấm kinh doanh. Đây là ngành nghề gây khá nhiều tranh cãi trong phiên họp Quốc hội. Một số ý kiến đề nghị không cấm kinh doanh dịch vụ đòi nợ mà thực hiện theo quy định của Luật hiện hành, đồng thời đổi tên là “kinh doanh dịch vụ thu hồi nợ”. Trước khi biểu quyết thông qua toàn bộ dự án luật, các đại biểu đã nhất trí với quy định cấm kinh doanh dịch vụ đòi nợ với tỷ lệ 436/456 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành (chiếm 90,27% tổng số đại biểu Quốc hội)[[19]](#footnote-19). Trước đó, thảo luận về nội dung này, nhiều ý kiến tán thành với Tờ trình của Chính phủ là cấm “kinh doanh dịch vụ đòi nợ” vì thời gian qua có nhiều doanh nghiệp lợi dụng việc kinh doanh dịch vụ này để biến tướng thành các băng nhóm cưỡng đoạt tài sản, cho vay nặng lãi, hoạt động tín dụng đen gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, dẫn tới nhiều hệ quả xấu đối với xã hội. Ban soạn thảo cũng đồng tình với ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nhiều ý kiến đại biểu Quốc hội góp ý tại phiên họp. Cụ thể là giữ quy định như dự thảo Luật đã trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8, theo đó cấm kinh doanh dịch vụ đòi nợ. Chính phủ đã nghiên cứu rất kỹ lưỡng, tổ chức nhiều cuộc hội thảo, hội nghị lấy ý kiến chuyên gia, các nhà khoa học, và chuẩn bị rất thận trọng khi đề xuất ủng hộ phương án cấm kinh doanh dịch vụ đòi nợ. Tại điều khoản chuyển tiếp của Luật quy định, giao dịch cung cấp dịch vụ đòi nợ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành và các bên tham gia giao dịch được thực hiện các hoạt động để thanh lý giao dịch đòi nợ theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan. Do đó, kể từ ngày LDN năm 2020 có hiệu lực, cấm kinh doanh dịch vụ đòi nợ.

Về ngành nghề kinh doanh, người nước ngoài chỉ được phép đầu tư vào các ngành nghề không thuộc Danh mục ngành nghề cấm đầu tư (Điều 6 Luật Đầu tư 2020) và phải đáp ứng các điều kiện của Danh mục ngành nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục IV Luật Đầu tư). Ngoài ra, nếu lĩnh vực kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành (ví dụ kinh doanh bất động sản, giáo dục, dịch vụ tài chính…), nhà đầu tư cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện đó (về vốn pháp định, nhân sự, cơ sở vật chất…) trước khi xin giấy phép hoạt động.

* *Nhóm thứ hai, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện*
* Ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xa hội, sức khỏe cộng đồng. Danh mục ngành nghề đầu kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục 4 của Luật đầu tư năm 2020.
* Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các VBQPPL khác nhau. Điều kiện về đầu tư kinh doanh phải bảo đảm khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí.
* Ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề đó phải được đăng tải trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
* Điều kiện kinh doanh được thể hiện theo LĐT dưới các hình thức như: Giấy phép kinh doanh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; Chứng chỉ hành nghề; Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp; Xác nhận vốn pháp định; Chấp thuận khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Các yêu cầu khác mà doanh nghiệp phải thực hiện hoặc phải có mới được quyền kinh doanh ngành, nghề đó mà không cần xác nhận, chấp thuận dưới bất kỳ hình thức nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
* Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hiện nay được áp dụng theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư thì số lượng này đã được giảm xuống từ 243 còn 227 ngành nghề theo Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo LĐT năm 2020. Ngoài ra, điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo các hình thức sau đây: Giấy phép; Giấy chứng nhận; Chứng chỉ; Văn bản xác nhận, chấp thuận; Các yêu cầu khác mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Việc cắt giảm nhiều ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhằm mục đích loại bỏ đi những ngành, nghề đầu tư kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình gia nhập thị trường của người dân và doanh nghiệp.
* *Nhóm thứ ba, ngành nghề tự do kinh doanh*

Tự do kinh doanh là quyền cơ bản của cá nhân, tổ chức, được quy định tại Hiến pháp năm 2013. Nhưng điều này không có nghĩa doanh nghiệp được kinh doanh bất kỳ ngành, nghề nào tùy ý chí mà chỉ được phép kinh doanh ngành, nghề đã được ghi nhận trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể việc ghi ngành, nghề kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Điều 7 nghị định 168/2025/NĐ-CP thay thế cho Nghị định 01/2021/NĐ-CP như sau: “Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.”

So với LDN năm 2005, LDN năm 2014 và nay là LDN 2020 đã bỏ việc ghi ngành, nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, nhìn vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sẽ không còn nhận biết được doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực, ngành, nghề gì, kể cả ngành, nghề tự do kinh doanh lẫn ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn phải thực hiện việc ghi đầy đủ ngành, nghề kinh doanh vào Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. Đặc biệt là mặc dù Luật không quy định nhưng Nghị định số 78/2015/NĐ-CP lại bắt buộc ghi mã ngành, nghề cấp 4. Mặc dù Nghị định 01/2021/NĐ-CP và mới nhất là Nghị định 168/2025/ND-CP không quy định cụ thể về việc ghi mã ngành cấp 4, tuy nhiên, theo thực tiễn và hướng dẫn từ cơ quan đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp khi đăng ký thành lập vẫn phải ghi rõ ngành, nghề kinh doanh theo mã ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Việc phải thông báo tên mã số ngành nghề kinh doanh, về bản chất cũng gần giống như đăng ký kinh doanh, đã tiếp tục gây ra nhiều khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Việc kê khai ngành, nghề kinh doanh có rất ít ý nghĩa, tác dụng trên thực tế, khi mà việc đăng ký kinh doanh không còn bị ràng buộc như trước kia. Đáng lẽ đây là việc của các cơ quan chức năng tự xử lý, không phải trách nhiệm của doanh nghiệp[[20]](#footnote-20).

Trên thực tế, quá trình kê khai ngành, nghề kinh doanh theo hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam còn tồn tại nhiều vướng mức, gây khó khăn cho doanh nghiệp và cả cơ quan đăng ký kinh doanh trong quá trình lựa chọn mã ngành nghề bởi hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam chưa liệt kê được hết và đầy đủ những ngành nghề kinh doanh đang hiện có ở Việt Nam khiến nhiều trường hợp doanh nghiệp không biết xác định ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp thuộc mã nào và chính cơ quan đăng ký kinh doanh cũng lúng túng trong việc đối chiếu, ghi nhận mã ngành, nghề cho doanh nghiệp.

***Bốn là*, điều kiện về vốn thành lập doanh nghiệp**

Người thành lập doanh nghiệp phải đăng ký tài sản đầu tư vào kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. Đối với các công ty, việc đăng ký tài sản cho công ty hoạt động gọi là góp vốn. Khoản 18 Điều 4 LDN năm 2020 đều quy định về góp vốn như sau: “*Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập*”. Khi được cấp đăng ký doanh nghiệp, số tài sản này cũng được ghi trong điều lệ công ty nên gọi là vốn điều lệ. Vốn điều lệ là tổng giá trí tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty TNHH, công ty hợp danh; là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với CTCP. Đối với doanh nghiệp tư nhân, không có điều lệ nên số vốn đăng ký thành lập gọi là vốn đầu tư. Đăng ký tài sản khi thành lập doanh nghiệp là điều kiện bắt buộc đối với mọi doanh nghiệp, bởi vì tài sản là cơ sở vật chất cho việc thực hiện những nghĩa vụ kinh tế của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Tài sản đầu tư vào doanh nghiệp phải là những thứ mà pháp luật quy định là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của người đầu tư thành lập doanh nghiệp. Điều 105, BLDS năm 2015 quy định: “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”. Quyền tài sản là quyền giá trị được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và quyền tài sản khác. Thông thường tài sản chia thành bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai. Tài sản cũng có thể chia thành tài sản hữu hình và tài sản vô hình.

Tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ (quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ), công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá bằng Đồng Việt Nam. Quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng để góp vốn bao gồm quyền tác giả. quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp đối với các quyền sở hữu trí tuệ mới có quyền sử dụng các tài sản này để góp vốn thành lập doanh nghiệp[[21]](#footnote-21).

Tài sản góp vốn vào các công ty phải được thành viên công ty TNHH, công ty hợp danh và cổ đông CTCP chuyển nhượng quyền sở hữu cho công ty. Tài sản được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của chủ doanh nghiệp tư nhân không phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho doanh nghiệp.

Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản. Biên bản giao nhận phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, số quyết định thành lập hoặc đăng ký của người góp vốn; loại tài sản và số đơn vị tài sản góp vốn; tổng giá trị tài sản góp vốn và tỷ lệ của tổng giá trị tài sản đó trong vốn điều lệ của công ty; ngày giao nhận; chữ ký của người góp vốn hoặc đại diện theo ủy quyền của người góp vốn và người đại diện theo pháp luật của công ty.

Mức độ tài sản đầu tư khi thành lập doanh nghiệp tùy thuộc vào điều kiện của những người chủ doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đối với một số ngành nghề, trong một số lĩnh vực kinh doanh, Nhà nước quy định mức vốn tối thiểu phải có để thành lập doanh nghiệp hoạt động trong ngành, nghề có lĩnh vực đó (gọi là vốn pháp định). Lý do của việc quy định vốn pháp định chỉ giới hạn trong một số ngành nghề vì từ thực tiễn quản lý nhà nước. Nhà nước xác định những doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề, lĩnh vực này cần phải có quy mô vốn nhất định để vừa bảo đảm sự cạnh tranh cần thiết và hiệu quả hoạt động cho mỗi doanh nghiệp, đồng thời có thể ngăn chặn tình trạng độc quyền. Vốn pháp định là một hình thức điều kiện kinh doanh nên phải được quy định và công bố công khai trong các văn bản pháp luật được phép quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Mức vốn pháp định cụ thể được xác định, có thể thay đổi trong các thời kỳ khác nhau. Ở những ngành nghề có quy định vốn pháp định, vốn điều lệ, vốn đầu tư khi thành lập cũng như trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp không được thấp hơn vốn pháp định.

Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc nhất trí. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được đa số các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận. LDN năm 2020 quy định cụ thể hơn về “*đa số các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận” thành “trên 50% số thành viên, cổ sông sáng lập chấp thuận*”. Điều này giúp dễ dàng xác định số lượng thành viên chấp thuận trong công ty. Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế[[22]](#footnote-22).

Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với CTCP và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và doanh nghiệp chấp thuận. LDN năm 2020 quy định chi tiết hơn về “người góp vốn và doanh nghiệp” thành “ người góp vốn và chủ sở hữu, Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị”. Điều này giúp xác định rõ ràng các chủ thể có thẩm quyền quyết định trong vấn đề này. Trường hợp nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn, chủ sở hữu, thành viên Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH và công ty hợp danh, thành viên Hội đồng quản trị đối với CTCP cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời, liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế[[23]](#footnote-23).

Tuy nhiên, LDN năm 2020 mới chỉ dừng lại ở việc quy định các chủ thể trên phải liên đới chịu trách nhiệm vật chất bằng cách góp thêm tài sản để bù vào số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm được định giá, đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế nhưng căn cứ để xác định mức trách nhiệm vật chất cụ thể mà mỗi một thành viên Hội đồng thành viên công ty TNHH và công ty hợp danh, mỗi một cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị đối với CTCP, người góp vốn phải chịu là bao nhiêu thì Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định. Điều này rất dễ gây ra những mâu thuẫn, xung đột và dẫn đến tranh chấp giữa chủ sở hữu, các thành viên Hội đồng thành viên, các cổ đông sáng lập, các thành viên Hội đồng quản trị, người góp vốn với nhau khi thực hiện trách nhiệm vật chất của mình. Điều này đòi hỏi luật cần phải có quy định dự liệu các căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất của các chủ thể trong trường hợp trên nếu như Điều lệ công ty không có quy định.

Bên cạnh đó, Điều 16 LDN năm 2020 đều có quy định cấm việc “cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị”. Tuy nhiên, quy định này có nhiều điểm chưa rõ ràng, dễ bị các bên tham gia định giá tài sản góp vốn lợi dụng để trục lợi.

Thứ nhất, nếu căn cứ vào quy định này thì rất nhiều người có thể hiểu là việc định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị của tài sản góp vốn chỉ bị cấm khi có cơ sở chứng minh việc định giá đó là cố ý, còn nếu vô ý thì không bị cấm. Tuy nhiên, cơ sở nào để xác định là cố ý hay vô ý thì LDN và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định rõ.

Thứ hai, không phải loại tài sản góp vốn nào cũng định giá được một cách dễ dàng và giống nhau. Bởi lẽ, đối với tài sản góp vốn là ô tô, xe gắn máy, … thì việc định giá tài sản khá dễ dàng, nhưng đối với việc định giá tài sản góp vốn là giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật thì sẽ gặp nhiều khó khăn bởi đây là loại tài sản vô hình, việc định giá loại tài sản này không chỉ đòi hỏi phải xác định được giá trị của nó tại thời điểm định giá mà các bên còn phải xác định được giá trị tiềm năng (về lợi ích kinh tế là chủ yếu) mà tài sản này mang lại trong tương lai cho doanh nghiệp. Do đó, việc xác định các bên có cố ý định giá giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật cao hơn hay thấp hơn so với giá trị thật của tài sản đó hay không là điều hầu như không thể. Ngay cả trong thực tế, từ lâu chúng ta cũng phải chấp nhận đối với việc hai bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì có hai loại giá khác nhau: giá Nhà nước và giá thị trường (thông thường là do hai bên thỏa thuận nhưng không ghi vào hợp đồng công chứng mà là thỏa thuận ngầm), trong đó giá Nhà nước luôn thấp hơn giá do các bên thỏa thuận, nhưng khi tính thuế chuyển nhượng, cơ quan thuế chỉ có thể căn cứ vào hợp đồng ghi theo giá Nhà nước (được công chứng) để tính thuế chứ không thể nào xác định được giá mà bên mua phải trả cho bên bán để tính thuế.

Tuy nhiên LDN năm 2020 vẫn chưa khắc phục được những bất cập trên của LDN năm 2014. Hiện nay, vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định rõ căn cứ để xác định những hành vi “cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị” và làm sao để xác định mức trách nhiệm vật chất cụ thể mà mỗi một thành viên Hội đồng thành viên công ty TNHH và công ty hợp danh, mỗi một cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị đối với CTCP, người góp vốn phải chịu khi liên đới chịu trách nhiệm nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

Việc quy định, bất kể một chủ thể kinh doanh nào cũng cần phải có một lượng vốn nhất định dưới hình thức là một cá nhân bỏ ra hoàn toàn, hay là sự đóng góp của nhiều người, hoặc được nhà nước hỗ trợ nhằm tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục đích nhằm đảm bảo sự an toàn cho các chủ nợ và nhà đầu tư kinh doanh trong những ngành nghề đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn, kinh doanh trong một số lĩnh vực đặc thù. Ngoài ra, việc quy định về vốn còn nhằm đảm bảo về cơ sở vật chất nhất định để chủ thể kinh doanh dễ dàng trong việc vận hành doanh nghiệp của mình khi hoạt động, đồng thời là căn cứ để chứng minh có khả năng thanh toán các khoản nợ cho đối tác, khách hàng. Bên cạnh đó, việc dự báo số lượng vốn sẽ giúp chủ thể kinh doanh dự báo được kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lượng tài sản mà chủ thể kinh doanh có, tránh việc thừa, thiếu, lãng phí, làm ảnh hưởng đến quy trình sản xuất kinh doanh.

***Năm là*, điều kiện về tên doanh nghiệp**

Mỗi doanh nghiệp có thể có ba loại tên: Tên tiếng Việt, tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp. Việc đăng ký và sử dụng tên của doanh nghiệp phải tuân theo quy định của pháp luật.

Tên tiếng Việt: Mỗi doanh nghiệp bắt buộc phải có một tên chính thức dùng trong các giao dịch giữa doanh nghiệp với Nhà nước, với các chủ thể kinh doanh khác và với người tiêu dùng. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân.

Tên riêng là tên được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 41 của LDN năm 2020; Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó; Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp: Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt bằng tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và các ký hiệu. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện phải mang tên doanh nghiệp kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do chi nhánh, văn phòng đại diện phát hành. LDN năm 2020 còn bổ sung thêm quy định về đặt tên địa điểm kinh doanh. Theo khoản 2 Điều 40 LDN năm 2020: Tên địa điểm kinh doanh phải bao gồm tên doanh nghiệp kèm theo cụm từ “địa điểm kinh doanh” .

LDN 2020 vẫn thống nhất quy định về điều kiện đặt tên DN theo như LDN năm 2014. Tuy nhiên, LDN năm 2020 bổ sung thêm một quy định về trường hợp được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký, đó là “Tên riêng của doanh nghiệp trùng với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký”. Quy định này thực tế đã được áp dụng từ trước khi LDN năm 2020 ra đời, nhưng đến khi LDN năm 2020 mới được quy định cụ thể trong Luật.

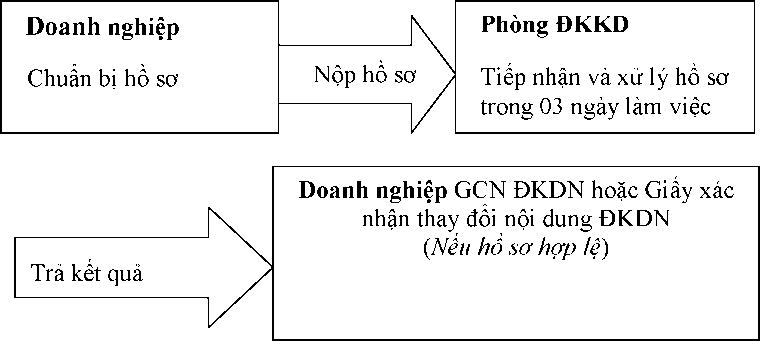
***Sáu là*, điều kiện về trụ sở chính của doanh nghiệp**

Trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc của doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có). LDN năm 2020 có thay đổi so với LDN năm 2014, Điều 42 LDN năm 2020 quy định “Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp và được xác định theo đơn vị hành chính; có số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có)”. LDN năm 2020 không liệt kê các đơn vị hành chính, thay vào đó quy định chung là xác định theo địa giới đơn vị hành chính của Việt Nam. Điều này giúp doanh nghiệp dễ dàng hơn rất nhiều khi kê khai địa chỉ trụ sở của mình. Mỗi doanh nghiệp bắt buộc phải có một trụ sở chính.

Địa điểm kinh doanh là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể. Doanh nghiệp có quyền lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài. Doanh nghiệp có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới hành chính.

Trụ sở giao dịch của doanh nghiệp không hẳn chỉ là một địa chỉ để các khách hàng đến giao dịch, đây còn là nơi tập trung hệ thống các cơ quan đầu não của DN. Đồng thời, nó cũng là một trong những minh chứng quan trọng cho sự tồn tại trên thực tế của DN. Để xác định được địa chỉ trụ sở giao dịch của doanh nghiệp, khi quy định về nội dung của giấy đề nghị đăng kí DN, khoản 2 Điều 24 LDN năm 2014 đã quy định người đăng kí DN phải tiến hành kê khai địa chỉ trụ sở chính của mình. Tuy nhiên, trên thực tế, đã có không ít trường hợp người đăng kí thành lập doanh nghiệp đã kê khai không đúng địa chỉ như: Ghi địa chỉ ở một nơi nhưng thực tế đặt trụ sở chính tại một nơi khác; lấy địa chỉ nhà riêng của người khác hoàn toàn không liên quan đến doanh nghiệp làm địa chỉ trụ sở chính cho công ty mình hoặc lấy địa chỉ nhà chung cư (có mục đích để ở) làm địa chỉ trụ sở chính của DN. Chính điều này đã khiến các cơ quan nhà nước (như cơ quan thuế, công an,…) khó liên hệ công tác và kiểm soát. Bên cạnh đó, hiện tượng lấy địa chỉ nhà chung cư (có mục đích để ở) làm địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp là hành vi vi phạm pháp luật về nhà ở. Bởi lẽ, theo quy định của pháp luật về nhà ở, nhà chung cư có hai loại: Loại để ở và loại có mục đích sử dụng hỗn hợp - là vừa để ở và vừa kinh doanh. Tuy nhiên, tại khoản 11, điều 6 Luật Nhà ở năm 2014 có quy định nghiêm cấm việc “sử dụng căn hộ chung cư vào mục đích không phải để ở; sử dụng phần diện tích được kinh doanh trong nhà chung cư theo dự án được phê duyệt vào mục đích kinh doanh vật liệu gây cháy, nổ, kinh doanh dịch vụ gây ô nhiễm môi trường, tiếng ồn hoặc các hoạt động khác làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các hộ gia đình, cá nhân trong nhà chung cư theo quy định của Chính phủ”. Do đó, nhà chung cư có mục đích để ở không được phép sử dụng làm địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do pháp luật doanh nghiệp hiện hành trao cho người đăng ký toàn quyền kê khai địa chỉ mà thiếu xác minh đối chiếu. Tức là, thực hiện theo thủ tục “tiền buông hậu kiểm”, đến khi có vấn đề xảy ra thì cơ quan chức năng rất khó có thể liên lạc được với DN. Tuy nhiên, LDN năm 2020 mới ra đời lại không có quy định nào để quản lý việc đăng ký trụ sở kinh doanh của các DN. Vấn đề này có lẽ sẽ cần phải họp bàn và đưa ra giải pháp hợp lý trong thời gian tới.

* + 1. Các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp



Công bố nội dung ĐKDN

- Ngành, nghề kinh doanh;

- Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có).

Luật doanh nghiệp 2020 và văn bản hướng dẫn thi hành quy định chi tiết thủ tục thành lập doanh nghiệp đăng ký thành lập mới theo các bước sau:

***Bước 1***: Chuẩn bị hồ sơ

Người thành lập doanh nghiệp cần chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo mẫu để gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp.

Hồ sơ thành lập mới doanh nghiệp tương ứng với từng loại hình khác nhau sẽ có các quy định về hồ sơ khác nhau, cụ thể:

\* Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân:

(1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

(2) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.

\* Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh:

(1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

(2) Điều lệ công ty.

(3) Danh sách thành viên.

(4) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên.

(5) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.

\* Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn

(1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

(2) Điều lệ công ty.

(3) Danh sách thành viên.

(4) Bản sao các giấy tờ sau đây:

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật;

- Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.

\* Hồ sơ đăng ký công ty cổ phần:

(1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

(2) Điều lệ công ty.

(3) Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

(4) Bản sao các giấy tờ sau đây:

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, người đại diện theo pháp luật;

- Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.

Trường hợp người thành lập doanh nghiệp không trực tiếp tiến hành nộp hồ sơ thành lập mới doanh nghiệp mà ủy quyền cho người khác tiến hành thủ tục, doanh nghiệp nộp kèm hồ sơ văn bản ủy quyền cho người khác để tiến hành thủ tục đăng ký doanh nghiệp vào bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trực tiếp tiến hành thủ tục.

***Bước 2***: Nộp hồ sơ

Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo một trong ba phương thức sau đây:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.

- Nộp hồ sơ qua mạng thông tin điện tử.

Điều 20 Nghị định 168/2025/NĐ-CP đã sửa đổi quy định cơ quan đăng ký kinh doanh ở cấp tỉnh: (i) Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; và Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn cấp tỉnh; (ii) Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.

Điều 26 Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã bổ sung quy định về phương thức đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính và qua mạng thông tin điện tử . Việc luật hóa quy định đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi đăng ký doanh nghiệp, đẩy mạnh tỷ lệ đăng ký doanh nghiệp điện tử, cắt giảm chi phí và thời gian đăng ký doanh nghiệp. Điều 37 Nghị định 168/2025/NĐ-CP quy định “Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử là việc người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”.

Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và [Nghị định 168/2025/NĐ-CP](https://bachkhoaluat.vn/van-ban-luat/30763/nghi-dinh-01-2021-ndcp-ve-dang-ky-doanh-nghiep) về đăng ký doanh nghiệp.

***Bước 3***: Giải quyết hồ sơ

Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong vòng 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải có văn bản thông báo về nội dung cần sửa đổi hoặc bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ và tên doanh nghiệp yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Phòng đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

Trong trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không được chấp thuận, Cơ quan đăng ký kinh doanh từ chối đăng ký doanh nghiệp thì cần có văn bản thông báo và nêu rõ lí do cho người thành lập doanh nghiệp.

Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thì người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Doanh nghiệp 2020. Các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày doanh nghiệp đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định.

***Bước 4***: Nhận kết quả đăng ký doanh nghiệp

Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp có thể nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.

***Bước 5***:Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Nội dung công bố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 32 Luật Doanh nghiệp, bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây:

- Ngành, nghề kinh doanh;

- Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có).

Thông tin công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Việc đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Trình tự thành lập doanh nghiệp với nhà đầu tư nước ngoài khác với nhà đầu tư trong nước. Cụ thể, theo Điều 38 Luật Đầu tư 2020, nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC) trước khi thành lập doanh nghiệp. Sau khi có IRC, nhà đầu tư tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ERC) theo Luật Doanh nghiệp 2020. Trình tự hai bước này được áp dụng bắt buộc cho các nhà đầu tư nước ngoài góp vốn từ 51% trở lên hoặc đầu tư thành lập tổ chức kinh tế lần đầu tại Việt Nam.

* 1. Đánh giá thực trạng pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp

***2.2.1. Ưu điểm***

Bước vào thời kỳ kinh tế hội nhập, cùng với đó các chính sách pháp luật mới của Nhà nước góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc các doanh nghiệp được thành lập dễ dàng và bùng nổ với số lượng ngày càng lớn. Điều đó xuất phát từ những ưu điểm của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp của nước ta ngày càng được hoàn thiện hơn, cụ thể:

*Một là, pháp luật về đăng ký doanh nghiệp góp phần mở rộng quyền tự do kinh doanh*

Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến quan trọng, từ chỗ là một thủ tục *“xin phép”* tới chỗ chỉ là một thủ tục đăng ký có tính ghi nhận quyền tự do kinh doanh của người dân. Khởi đầu là Hiến pháp 1964 đến Hiến pháp 1959, 1980 ra đời ở những thời điểm nền kinh tế của nước ta đang trong thời kỳ quá độ, chuyển giai đoạn nên quyền tự do kinh doanh của công dân nói riêng được giới hạn trong một phạm vi nhất định. Chỉ đến khi Hiến pháp 1992, 2013 ra đời đã phản ánh đúng quy luật phát triển kinh tế xã hội, quyền bình đẳng giữa các thành phần kinh tế được biểu hiện cụ thể qua quyền tự do kinh doanh. Từ đó quyền tự do kinh doanh của công dân trong bản Hiến pháp này được cụ thể hoá trong Luật Doanh nghiệp 1999, 2005, 2014, 2020 bảo đảm cho mọi công dân được hưởng thực quyền của mình trong lĩnh vực kinh tế.

Hiến pháp 2013 quy định:*“Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm*”. Luật Doanh nghiệp 2005 tiếp tục đề cao phát triển quyền tự do kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Kế thừa nội dung Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990, Luật công ty 1990, Luật doanh nghiệp năm 1999 các quy định về đối tượng được quyền thành lập doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh được xây dựng theo nguyên tắc *“loại trừ”;* theo đó Luật Doanh nghiệp 2005 đến Luật doanh nghiệp năm 2014, 2020 đã mở rộng phạm vi đối tượng có quyền thành lập doanh nghiệp bởi lẽ: Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990, Luật công ty 1990, Luật doanh nghiệp năm 1999 quy định đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp là 8 trường hợp: “Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản không được quyền thành lập doanh nghiệp, không được làm người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn từ một đến ba năm, kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ các trường hợp quy định tại Luật Phá sản doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam”. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005, 2014, 2020 tổ chức, cá nhân bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp đã thu hẹp hơn. Nhờ đó, đối tượng được thành lập và quản lý doanh nghiệp được mở rộng, thúc đẩy việc gia nhập thị trường của các chủ thể kinh doanh.

*Hai là, pháp luật về đăng ký doanh nghiệp quy định về t****hủ tục thành lập doanh nghiệp ngày càng tối giản***

Kể từ khi Luật Doanh nghiệp năm 2014 được ban hành, nhà nước đã có những quy định khá thông thoáng về thủ tục thành lập và thay đổi đăng ký doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, tháo gỡ hầu hết các “nút thắt” về sự phức tạp, phiền hà trong hoạt động đăng ký kinh doanh. Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, nay là Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp đã nâng cao hơn một bước sự đơn giản hoá các quy định về thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Phải nói rằng, quy định của pháp luật hiện hành về đăng ký kinh doanh đã thể hiện quan điểm quản lý nhà nước hiện đại, tức là phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, nhà nước chỉ đóng vai trò ghi nhận trên cơ sở tính hợp lệ của hồ sơ, tài liệu. Điều này càng mang lại lợi ích lớn cho người dân và doanh nghiệp trong việc đơn giản hoá các quy trình, thủ tục đăng ký kinh doanh, giảm bớt áp lực công việc cho cơ quan quản lý nhà nước.

Vì vậy, các doanh nghiệp được thành lập ngày một dễ dàng hơn do thủ tục hành chính đang ngày một tối giản. Nếu như trước đây, thủ tục [thành lập doanh nghiệp](https://luathoangphi.vn/thu-tuc-thanh-lap-cong-ty/) khá rườm rà và phức tạp theo quy trình:

- Khách hàng nộp bộ hồ sơ thành lập doanh nghiệp bản giấy tới trực tiếp Sở Kế hoạch & Đầu tư;

- Chuyên viên tiến hành xử lý hồ sơ, sau 3 - 5 ngày làm việc khách hàng sẽ trực tiếp tới Sở Kế hoạch & Đầu tư để nhận thông báo. Hồ sơ sai sót, khách hàng sẽ phải sửa lại, hồ sơ hợp lệ sẽ được cấp đăng ký kinh doanh;

- Sau khi sửa hồ sơ, khách hàng trực tiếp mang hồ sơ tới Sở Kế hoạch & Đầu tư để nộp lại, cho đến khi hồ sơ không còn sai sót sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Nhận ra được những bất cập trong quy trình thành lập cũ, Luật doanh nghiệp 2014, 2020 đã điều chỉnh lại quy trình thành lập kết hợp với hệ thống số hóa, công nghệ thông tin để việc thành lập doanh nghiệp không còn tốn nhiều thời gian và công sức như trước. Thay vì việc phải tốn thời gian nhiều lần đi lại lên Cơ quan Nhà nước, người thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp chỉ cần nộp hồ sơ online tại địa chỉ website http://dangkykinhdoanh.gov.vn. Khi hồ sơ qua mạng hợp lệ, người thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp phải nộp bộ hồ sơ bản giấy trực tiếp tới Sở Kế hoạch & Đầu tư.

Trường hợp hồ sơ của người thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp sai sót sẽ được thông báo nhanh nhất và việc sửa hồ sơ diễn ra nhanh chóng hơn.

***2.2.2. Hạn chế***

Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam đã có nhiều bước tiến đáng ghi nhận. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cũng cho thấy còn tồn tại một số hạn chế đáng chú ý, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi và tạo ra không ít rào cản cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ nhất, thủ tục hành chính vẫn còn phức tạp và thiếu thống nhất giữa các cơ quan đăng ký kinh doanh. Mặc dù Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và mới nhất là Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp đã quy định tương đối rõ ràng về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, song trên thực tế vẫn tồn tại tình trạng mỗi địa phương áp dụng khác nhau, dẫn đến sự không đồng nhất và làm phát sinh chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Theo nghiên cứu của Nguyễn Hữu Phát, hơn 30% doanh nghiệp được khảo sát cho biết họ gặp khó khăn trong việc hiểu và thực hiện đúng quy trình đăng ký do sự khác biệt trong hướng dẫn của các cơ quan quản lý tại địa phương[[24]](#footnote-24).

Thứ hai, việc yêu cầu ghi mã ngành nghề kinh doanh cấp 4 tuy nhằm mục tiêu quản lý hiệu quả nhưng lại gây khó khăn cho doanh nghiệp trong một số lĩnh vực mới hoặc chưa được quy định rõ trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg). Nhiều doanh nghiệp buộc phải chọn mã ngành gần đúng, dẫn đến rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động khi bị kiểm tra hoặc thanh tra. Đây là bất cập được nhiều học giả chỉ ra, trong đó Nguyễn Văn Cường (2021) cho rằng, việc bắt buộc sử dụng mã ngành cấp 4 không linh hoạt với thực tiễn phát triển nhanh chóng của các mô hình kinh doanh mới như kinh tế nền tảng số, fintech[[25]](#footnote-25), v.v.

Thứ ba, về thời hạn góp vốn. Đối với các doanh nghiệp đăng ký vốn điều lệ là tài sản hiện vật (không phải là tiền mặt) mà các tài sản này là nguồn cơ bản tạo nên cơ sở vật chất của doanh nghiệp (chẳng hạn như máy móc, trang thiết bị, công nghệ…) nếu phần tài sản góp vốn này được nhập khẩu từ nước ngoài về thì rất có thể, qua 90 ngày kể từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp những tài sản đó vẫn chưa về tới Việt Nam. Trường hợp này chưa có quy định hướng dẫn cụ thể để đảm bảo về thời hạn góp vốn vào doanh nghiệp.

Thứ tư, là quy định về hồ sơ thành lập doanh nghiệp. Để thành lập doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp phải chuẩn bị một bộ hồ sơ hợp lệ. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ các giấy tờ theo quy định của pháp luật và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật. Quy định này dẫn tới cách hiểu không thống nhất của cơ quan đăng ký kinh doanh tại các địa phương về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Với các tài liệu có trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp như hợp đồng thành lập doanh nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp; Biên bản các cuộc họp Hội đồng thành viên/Đại Hội đồng cổ đông; báo cáo tài chính của doanh nghiệp… cơ quan đăng ký kinh doanh có cần xem xét về tính hợp pháp, chính xác của các văn bản này hay chỉ cần kiểm tra về số lượng theo đầu mục hồ sơ? Việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp được quy định về thành phần hồ sơ bao gồm: nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần. Với cách hành văn liệt kê như trên dẫn đến cách hiểu khá khác nhau của các cơ quan đăng ký kinh doanh là hồ sơ phải bao gồm cả nghị quyết và quyết định của chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh và Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần, trong khi 2 văn bản này có tính chất tương đương nhau. Điều này gây khó khăn cho người thành lập doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp.

Thứ năm, thủ tục đăng ký doanh nghiệp vẫn còn tốn nhiều thời gian của người thành lập doanh nghiệp, mất 03 ngày để cơ quan đăng ký kinh doanh trả lời tính hợp lệ của hồ sơ hoặc phải sửa đổi, bổ sung. Nếu phải sửa chữa, bổ sung, lại phải mất thêm 03 ngày xem xét để hồ sơ hợp lệ. So sánh với thủ tục đăng ký doanh nghiệp của Singapore, Việt Nam cần phải sửa đổi quy định của pháp luật nhằm cải cách hiệu quả hơn nữa về thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Nếu như ở Việt Nam, không có sự tách bạch giữa thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp và thủ tục đăng ký tên doanh nghiệp thì tại Singapore, đăng ký tên doanh nghiệp là một thủ tục tách bạch với thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp[[26]](#footnote-26). Bên cạnh đó, thủ tục thông báo mẫu dấu chỉ là thủ tục hành chính, không phải thủ tục xin phép. Việc duy trì thủ tục này làm phát sinh thêm một thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến xếp hạng chỉ số khởi sự kinh doanh.

Thứ sáu, chưa có cơ chế kiểm soát hiệu quả đối với việc thành lập doanh nghiệp “ma” - những doanh nghiệp được lập ra không nhằm mục đích sản xuất, kinh doanh mà để lách luật, trốn thuế, hoặc thực hiện các hành vi gian lận. Mặc dù pháp luật có quy định về điều kiện của người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ tối thiểu trong một số trường hợp, nhưng việc xác minh thông tin đăng ký doanh nghiệp chủ yếu dựa vào cam kết trung thực của người đăng ký, thiếu công cụ kiểm tra thực tế. Điều này dẫn đến thực trạng nhiều doanh nghiệp bị bỏ trống trụ sở, không hoạt động nhưng vẫn tồn tại trên hệ thống, ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh và công tác quản lý nhà nước[[27]](#footnote-27).

Thứ bảy, hệ thống đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử dù đã được triển khai đồng bộ trên cả nước nhưng vẫn còn gặp một số lỗi kỹ thuật, gây gián đoạn trong quá trình xử lý hồ sơ. Nhiều doanh nghiệp phản ánh việc nộp hồ sơ qua mạng không bảo đảm tính ổn định và dễ xảy ra tình trạng "treo hồ sơ", kéo dài thời gian xử lý, làm giảm hiệu quả của cải cách hành chính. Hơn nữa, chưa có cơ chế phản hồi rõ ràng và minh bạch khi có sự cố xảy ra[[28]](#footnote-28).

Cuối cùng, pháp luật hiện hành chưa thiết lập được một hệ sinh thái pháp lý đủ linh hoạt để hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Những quy định hiện có chủ yếu được thiết kế cho mô hình doanh nghiệp truyền thống, trong khi doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lại cần những quy định linh hoạt hơn về loại hình, vốn góp, sở hữu trí tuệ, hay mô hình cổ phần hóa. Việc chưa cập nhật kịp thời các cơ chế pháp lý phù hợp với nhu cầu phát triển của loại hình này khiến Việt Nam tụt hậu trong thu hút và nuôi dưỡng các ý tưởng khởi nghiệp[[29]](#footnote-29).

Từ những hạn chế nêu trên, có thể thấy rằng việc hoàn thiện khung pháp lý về thủ tục thành lập doanh nghiệp là yêu cầu cấp thiết, nhằm tạo môi trường kinh doanh minh bạch, thông thoáng và cạnh tranh lành mạnh. Đồng thời, cần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính theo hướng số hóa toàn diện, tăng cường công khai, minh bạch và phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan đăng ký kinh doanh.

**2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

## 2.2.1. Khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Tỉnh Lai Châu được chia tách, thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 1/1/2004 trong điều kiện vô vàn khó khăn, thách thức. Những ngày đầu mới chia tách, thành lập năm 2004, Lai Châu là một trong những tỉnh khó khăn nhất cả nước, xa các trung tâm kinh tế lớn, KT-XH kém phát triển, quy mô nền kinh tế nhỏ bé, sản xuất chậm phát triển; thu ngân sách trên địa bàn chưa đạt 2% so với thời điểm hiện nay, tỷ lệ hộ nghèo cao (chiếm trên 60%), kết cấu hạ tầng KT-XH thấp kém, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân còn nhiều khó khăn; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thiếu nhiều về số lượng, trình độ, năng lực hạn chế, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ[[30]](#footnote-30).

***2.2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp***

* *Những kết quả đạt được*

Là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, song những năm gần đây, tỉnh Lai Châu đã thu được nhiều thành công trong thực hiện các giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư; qua đó thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp đến đầu tư kinh doanh trên địa bàn, góp phần thúc đẩy sự phát triển của kinh tế xã hội toàn tỉnh...

Tình hình đăng ký kinh doanh, thu hút đầu tư đạt được nhiều kết quả tích cực: Cấp đăng ký thành lập mới 135 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 3.770 tỷ đồng, bằng 87,1% kế hoạch, giảm 52 doanh nghiệp so với năm 2022; nâng tổng số doanh nghiệp trên toàn tỉnh lên 1.944 doanh nghiệp, trong đó lũy kế có 1.638 doanh nghiệp kê khai thuế; giải thể 60 doanh nghiệp; tạm ngừng hoạt động 72 doanh nghiệp. Trong năm 2024, theo số liệu của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu thì số lượng thành lập doanh nghiệp mới là hơn 200 doanh nghiệp[[31]](#footnote-31).

Điểm đột phá trong cải thiện môi trường đầu tư ở Lai Châu đó là UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính. Đặc biệt, năm 2023, UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác đặc biệt để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; đồng thời duy trì hoạt động của các tổ công tác đã thành lập, thường xuyên rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

Trọng tâm của cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch giữa các cơ quan chức năng, ưu tiên hàng đầu cho việc xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Đến nay, Trung tâm Hành chính công và Ban Chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Lai Châu đã hoạt động ngày càng có hiệu quả. Việc cải cách thủ tục hành chính được thực hiện một cách toàn diện, từ cải cách công tác chỉ đạo điều hành tới nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, hiện đại hóa hành chính và triển khai thực hiện cơ chế một cửa một cửa liên thông từ tỉnh đến các huyện. Qua đó, góp phần giải quyết nhanh chóng, kịp thời các thủ tục phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi phục vụ cho cá nhân và tổ chức. Đồng thời, quy trình, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp đã được tỉnh Lai Châu giảm đáng kể so với trước đây.

Hiệu quả thấy rõ nhất là việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp nhanh gọn, xử lý hồ sơ thành lập mới doanh nghiệp trung bình đạt 1,2 ngày (đạt 100% kế hoạch), giảm 60% thời gian so với quy định của Luật Doanh nghiệp; tỷ lệ hồ sơ được xử lý đúng hạn đạt 100%; thời gian thực hiện khởi sự doanh nghiệp còn 5 ngày; 100% các thủ tục hành chính về thuế được công khai, minh bạch; tỷ lệ doanh nghiệp kê khai thuế điện tử đạt 100%, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 98%, thời gian nộp thuế 117 giờ/năm, đạt 100% kế hoạch. Hồ sơ, thủ tục kê khai thu, chi BHXH, BHYT được đơn giản hóa còn 28 thủ tục, thời gian hoàn thành thủ tục nộp bảo hiểm bắt buộc đối với doanh nghiệp còn 49 giờ. Các thủ tục về tiếp cận điện năng được rút gọn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp...

Đặc biệt trong những năm gần đây, tỉnh Lai Châu cũng đã luôn quan tâm và nỗ lực trong việc cải thiện thứ bậc trên bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) mặc dù là tỉnh nghèo miền núi còn rất nhiều khó khăn. Chỉ số gia nhập thị trường theo tiêu chí của VCCI gồm 10 chỉ tiêu thành phần liên quan chủ yếu đến thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp và hoàn thiện các thủ tục để chính thức hoạt động. Các chỉ số này gồm: Gia nhập thị trường; Tiếp cận đất đai; Tính minh bạch; Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Cạnh tranh bình đẳng; Tính năng động; Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp; Đào tạo lao động; Thiết chế pháp lý và ANTT.

Chỉ số PCI năm 2022 của tỉnh Lai Châu là 62,05 điểm, xếp thứ 57/63 tỉnh thành, giảm 01 bậc so với năm 2021. Tuy nhiên, chỉ số gia nhập thị trường đã đạt 7,05 điểm xếp hạng thứ 26 cả nước, tăng 14 bậc so với thứ hạng 40 của năm 2021[[32]](#footnote-32). Theo kết quả đánh giá của VCCI, có trên 50% số chỉ tiêu được doanh nghiệp (DN) đánh giá rất cao và cao. Đặc biệt, chỉ tiêu Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (100% DN Đồng ý); hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ và cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (93% DN Đồng ý); cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (72% DN Đồng ý).

Trong năm 2023, chỉ số thành phần “Gia nhập thị trường” của tỉnh Lai Châu đạt 7,84 điểm, xếp hạng 7/63 tỉnh, thành phố, tăng 19 bậc so với năm 2022 (chỉ đạt 7,05 điểm, hạng 26). Đây là mức tăng mạnh nhất trong nhóm các chỉ số thành phần PCI của tỉnh và vượt xa mục tiêu đề ra trong Kế hoạch số 2492/KH-UBND ngày 04/7/2023. Nhiều tiêu chí cụ thể liên quan đến thủ tục đăng ký doanh nghiệp đã được cải thiện rõ rệt, trong đó đáng chú ý là: Thời gian đăng ký doanh nghiệp giảm còn 3 ngày (trung vị), tiếp tục giữ vị trí số 1 toàn quốc; Tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ từ 2 lần trở lên giảm còn 5% (năm 2022 là 7%); Tỷ lệ sử dụng hình thức đăng ký doanh nghiệp trực tuyến hoặc tại trung tâm hành chính công đạt 68%, tăng so với mức 64% năm 2022 và đứng thứ 14 toàn quốc; 100% doanh nghiệp đồng ý rằng thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai; 95% đánh giá cán bộ có chuyên môn, và 82% cho biết cán bộ thân thiện[[33]](#footnote-33). Theo VCCI, trong năm 2024, chỉ số thành phần “Gia nhập thị trường” của tỉnh Lai Châu đạt 7,68 điểm[[34]](#footnote-34).

Để có được kết quả như vậy, tỉnh Lai Châu đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó rất chú trọng tới việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh và thực thi hiệu quả thủ tục thành lập doanh nghiệp. Những nỗ lực chuyển đổi số và tinh gọn thủ tục hành chính đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo thuận lợi lớn cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường chính thức và khởi sự kinh doanh. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và đầu tư, Trung tâm phục vụ hành chính công và Cổng thông tin điện tử của tỉnh; năng lực cán bộ chuyên môn làm công tác đăng ký kinh doanh được đánh giá cao qua các năm, tỷ lệ các doanh nghiệp đánh giá cán bộ làm công tác này là nhiệt tình, thân thiện[[35]](#footnote-35). Lai Châu cũng là địa phương đã và đang đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư, kinh doanh, đảm bảo công tác đăng ký kinh doanh theo đúng tinh thần của pháp luật: nhanh chóng, minh bạch, áp dụng rộng rãi và có hiệu quả. Thường xuyên rà soát danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp, lĩnh vực doanh nghiệp xã hội, lĩnh vực Hợp tác xã, lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, lĩnh vực doanh nghiệp do nhà nước nắm giữa 100% vốn điều lệ, lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam để kịp thời trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư. Sở Kế hoạch và đầu tư cũng đã thường xuyên tư vấn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong quá trình nộp hồ sơ, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại bộ phận một cửa; thực hiện cắt giảm tối đa giấy tờ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết TTHC, góp phần giảm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp. Hơn nữa, UBND tỉnh cũng đã rất nỗ lực tạo điều kiện cho các nhà đầu tư có cơ hội tìm hiểu đầu tư tại địa bàn tỉnh; công tác tuyền truyền, phổ biến quy định pháp luật về thành lập doanh nghiệp cũng được quan tâm.

*\** *Về hạn chế*

Thứ nhất, tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh gặp khó khăn trong cấp phép kinh doanh có điều kiện còn cao. Cụ thể:

- Chỉ có 47% doanh nghiệp cho biết được hướng dẫn đầy đủ về thủ tục cấp phép (xếp hạng 25 toàn quốc).

- 45% doanh nghiệp đồng ý rằng không gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục cấp phép (hạng 18/63).

- Có tới 19% doanh nghiệp phải huỷ bỏ kế hoạch kinh doanh do vướng mắc trong việc xin cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (xếp hạng 53/63).

Thứ hai, việc liên thông, phối hợp các thủ tục sau đăng ký doanh nghiệp còn hạn chế. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng việc khai trình lao động, cấp mã số BHXH, đăng ký hóa đơn điện tử được thực hiện đồng thời mới đạt 41%, ở mức thấp (xếp hạng 45).

Thứ ba, tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ trên một tháng để hoàn tất toàn bộ thủ tục để chính thức hoạt động tăng lên 5% (năm 2022 là 0%), giảm mạnh về xếp hạng (từ vị trí 1 xuống hạng 13). Điều này cho thấy sự chậm trễ trong khâu hậu đăng ký, ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội kinh doanh và tâm lý nhà đầu tư.

Thứ tư, vẫn còn tồn tại một bộ phận doanh nghiệp phải chi trả chi phí không chính thức trong quá trình đăng ký hoặc điều chỉnh đăng ký doanh nghiệp, dù tỷ lệ này đã giảm từ 7% xuống 5%. Đây là dấu hiệu cho thấy yêu cầu minh bạch, công bằng trong thực thi pháp luật vẫn cần tiếp tục được cải thiện.

Thứ năm,bất cập về nhân lực thực thi thủ tục thành lập doanh nghiệp

Tình hình tinh giảm bộ máy không tăng thêm người nhưng khối lượng công việc ngày càng tăng. Không lường trước được những biến động đến khối lượng công việc ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thực thi pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn. Hậu quả, các chuyên viên của phòng đăng ký doanh nghiệp phải làm thêm giờ (2 đến 3 giờ/ngày), thậm chí ngày nghỉ cũng phải đi làm để đáp ứng được yêu cầu của công việc cũng như giảm số hồ sơ bị chậm.

Thứ sáu, tồn tại trong công tác phối hợp trong trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp

Do cơ chế “Tiền đăng - Hậu kiểm”, qua thực tế quản lý, phát hiện một số thông tin doanh nghiệp kê khai trên hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không đúng với thực tế như địa chỉ trụ sở, số điện thoại, địa chỉ email,... Nhưng những thông tin này ít được “hậu kiểm”, các cơ quan quản lý doanh nghiệp khi phát hiện cũng chưa thông báo cho nhau kịp thời, hoặc có phát hiện cũng chưa thực hiện xử phạt hành vi vi phạm,. dẫn đến việc khi cơ quan quản lý nhà nước cần liên hệ với doanh nghiệp thì không tìm được doanh nghiệp tại địa chỉ đăng ký, hoặc không liên lạc được qua số điện thoại, email đã đăng ký.

Mặc dù đã có quy định của Nghị định số 122/2020/NĐ-CP của Chính Phủ về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, nơi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả. Hiện tại ngoài hồ sơ doanh nghiệp ban đầu nộp trực tuyến, các công đoạn sau này, các nhà đầu tư đều phải thực hiện thủ công.

Trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư, tại Lai Châu có nhiều doanh nghiệp dự định đăng ký kinh doanh rất nhiều ngành nghề. Thực tế, hiện nay việc kê khai nhiều ngành nghề trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã trở thành xu hướng chung của các nhà đầu tư trên cả nước mà không riêng gì ở Lai Châu. Các nhà đầu tư vì sợ phải thực hiện thêm thủ tục bổ sung ngành nghề về sau nên đã kê khai tất cả những ngành nghề có thể sẽ thực hiện trong tương lai gần và tương lai xa.

Quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong bộ máy thực thi pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế: phối hợp giữa Phòng ĐKDN với Thanh tra Sở, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp còn đơn giản, chưa rõ ràng, cụ thể. Trong việc phối, kết hợp với cơ quan thuế, trước đây chưa có quy trình thống nhất giữa hai ngành đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế về cấp chung mã doanh nghiệp do đó việc lưu trữ và bảo quản, tra cứu hồ sơ chưa được chú trọng, bên cạnh đó, chúng ta chưa có hệ thống hạ tầng trang thiết bị để có thể thực hiện việc số hóa tài liệu và lưu trữ dữ liệu.

Thứ tám,công tác kiểm tra, xử lý chưa đáp ứng yêu cầu

Số lượng doanh nghiệp được kiểm tra chiếm tỉ lệ nhỏ trong các doanh nghiệp đang hoạt động. Bên cạnh đó, đây là hoạt động mang nhiều tính hình thức nên chưa tạo nên ý thức tôn trọng và chấp hành từ phía các doanh nghiệp được kiểm tra. Nó phần nào tạo ra tâm lí làm để chống chế chưa trở thành hoạt động tự thân của các doanh nghiệp để hình thành nên thức ý thức nghiêm chỉnh thực thi các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động.

*\* Về nguyên nhân của những hạn chế*

Thứ nhất, do tỉnh Lai Châu có địa hình phức tạp, điều kiện kinh tế còn khó khăn, và chất lượng nguồn nhân lực địa phương chưa cao cũng là nguyên nhân gián tiếp làm ảnh hưởng đến việc triển khai hiệu quả các quy định pháp luật. Việc tuyển dụng và đào tạo cán bộ chuyên môn phù hợp để thực thi pháp luật tại cơ sở còn gặp khó khăn, đặc biệt trong lĩnh vực pháp lý, đăng ký kinh doanh và công nghệ thông tin. Hơn nữa, tình trạng tinh giản biên chế nhưng không đồng thời cải thiện hiệu quả làm việc và số hóa quy trình. Tại Lai Châu, do khối lượng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tăng trong khi không bổ sung nhân lực tương ứng, chuyên viên đăng ký doanh nghiệp phải thường xuyên làm thêm giờ, thậm chí làm cả ngày nghỉ để xử lý hồ sơ. Điều này dẫn đến nguy cơ quá tải, giảm chất lượng xử lý và khả năng hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng quy định.

Thứ hai, do thiếu đồng bộ trong phối hợp liên thông thủ tục cũng như chất lượng phối hợp giữa các cơ quan thực thi chưa cao. Quy chế phối hợp giữa các cơ quan như Phòng Đăng ký Kinh doanh, Thanh tra Sở KH&ĐT, Cục Thuế, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp… thiếu cụ thể, chưa có quy trình thống nhất trong việc lưu trữ và xử lý hồ sơ điện tử. Đồng thời, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin chưa đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu số hóa tài liệu và liên thông dữ liệu.

Thứ ba, do nhận thức còn hạn chế của cả từ phía chủ thể đăng ký và cơ quan đăng ký doanh nghiệp. Bản chất của hoạt động đăng ký doanh nghiệp là ghi nhận thông tin để công nhận sự tồn tại, các thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp trên thực tế của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc nhận thức bản chất này còn chưa tốt dẫn đến cơ quan đăng ký doanh nghiệp làm khó các chủ thể trong quá trình đăng ký còn các chủ thể này chưa nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình dù quy định pháp luật là cơ quan đăng ký doanh nghiệp chỉ kiểm tra tính hợp lệ mà không kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ. Nhiều doanh nghiệp tại Lai Châu, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thiếu kiến thức pháp lý và kỹ năng số để tiếp cận và thực hiện thủ tục đăng ký trực tuyến. Họ gặp khó khăn trong việc khai thác các dịch vụ công điện tử hoặc kê khai đúng ngành nghề kinh doanh có điều kiện, dẫn đến sai sót hồ sơ, kéo dài quá trình xử lý. Mặc dù tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh việc phải chi trả chi phí không chính thức trong quá trình đăng ký doanh nghiệp tại Lai Châu đã giảm (từ 7% còn 5%), nhưng vẫn tồn tại một tỷ lệ nhất định, làm giảm niềm tin của doanh nghiệp đối với tính công bằng và minh bạch trong thực thi pháp luật.

Những nguyên nhân trên cho thấy rằng để cải thiện hiệu quả thực thi pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp tại tỉnh Lai Châu, cần có giải pháp đồng bộ từ cải cách hành chính, nâng cao năng lực cán bộ, hoàn thiện quy trình liên thông số hóa đến hỗ trợ pháp lý và kỹ thuật cho doanh nghiệp. Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật hành chính, mà còn là bài toán về thể chế, công nghệ và quản trị địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

Kết luận chương 2

Trong giai đoạn vừa qua, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam ngày càng tiến bộ với những quy định mang tính cải cách trong xây dựng pháp luật về doanh nghiệp, góp phần cải cách thủ tục hành chính trong việc thành lập và đăng ký doanh nghiệp và đặc biệt là Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã thể chế hóa các vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn.

Về cơ bản, pháp luật điều chỉnh về hoạt động thủ tục thành lập doanh nghiệp của Việt Nam đã được hình thành khá toàn diện với các quy định cơ bản như điều kiện thành lập doanh nghiệp, quy định về đối tượng thành lập doanh nghiệp; về vốn và tài sản; điều kiện về ngành nghề kinh doanh; về đặt tên cho doanh nghiệp và trụ sở chính của doanh nghiệp... Pháp luật trong lĩnh vực này đã có nhiều quy định cụ thể về trình tự và thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp theo các bước cụ thể và ngày càng đổi mới nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, thực tiễn thực thi pháp luật đã phản ánh, bên cạnh những ưu điểm thì pháp luật về đăng ký doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu hoàn thiện. Luật Doanh nghiệp năm 2020 và LDN sửa đổi 2025 đã có những bước tiến mới, song việc hướng dẫn thi hành để bắt nhịp và đáp ứng yêu cầu cuộc sống là vấn đề thiết thực cấp bách, đòi hỏi phải có giải pháp hoàn thiện pháp luật.

**CHƯƠNG 3**: **PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP**

**3.1**. **Phương hướng hoàn thiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp**

***3.1.1. Thể chế hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân***

Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định, phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả “thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế”. Đây là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng vừa thúc đẩy kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển; vừa phát huy vai trò của thành phần kinh tế này trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng trong tình hình mới.

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước xác định phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc hoàn thiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp cần được đặt trong định hướng tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch và thuận lợi hơn cho khu vực kinh tế này. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã nhấn mạnh yêu cầu “xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh, đúng hướng, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế”. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị đã khẳng định kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân, là lực lượng tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030 có 2 triệu doanh nghiệp hoạt động, đóng góp khoảng 55–58% GDP, pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp cần được hoàn thiện theo hướng đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính; thống nhất, đồng bộ giữa các luật có liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Xây dựng...; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Đồng thời, cần tăng cường cơ chế hậu kiểm thay cho tiền kiểm để tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức nhanh chóng khởi sự kinh doanh, phù hợp với tinh thần cải cách hành chính và chuyển đổi số quốc gia. Ngoài ra, việc nâng cao năng lực cán bộ thực thi pháp luật và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng tại địa phương cũng là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và nhất quán, tạo dựng niềm tin cho nhà đầu tư, đặc biệt là trong khu vực kinh tế tư nhân.

***3.1.2. Đảm bảo thực hiện quyền tự do kinh doanh***

Tự do kinh doanh là quyền hiến định. Quyền tự do kinh doanh được các quốc gia quan tâm và có những biện pháp, cách thức khác nhau để bảo vệ trên thực tế. Có hai căn cứ để xác định nội dung của quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp:

(i) Căn cứ vào đặc điểm của nền kinh tế thị trường để xác định nội dung của quyền tự do kinh doanh;

(ii) Căn cứ vào những quy định pháp luật hiện hành để xác định nội dung của quyền tự do kinh doanh. Do đó, mức độ hoàn thiện của nội dung quyền tự do kinh doanh luôn phụ thuộc vào mức độ hoàn thiện pháp luật[[36]](#footnote-36).

Do đó, hoàn thiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh cần phải được quy định theo hướng trong Luật, Nghị định, Thông tư về lĩnh vực, ngành, nghề, hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh một cách rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu. Mặt khác, lấy yếu tố “hiến định” là trụ cột, trung tâm để cụ thể hóa, tránh tình trạng nhiều bộ ngành, địa phương đã ban hành những VBQPPL dưới luật làm hạn chế, thậm chí ngăn cản hoạt động đầu tư, kinh doanh của chủ thể kinh doanh

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, việc hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp phải chú ý đến những vấn đề cơ bản sau:

Một là, pháp luật doanh nghiệp phải tạo hành lang pháp lý đảm bảo sự bình đẳng cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong quá trình thực thi thủ tục hành chính.

Mặc dù Chính phủ đã chủ trương nhất quán cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhưng do cách tiếp cận cũng như phương thức giải quyết chưa thích hợp, nên nhiều vấn đề phát hiện từ lâu vẫn chưa được giải quyết tốt. Luật pháp có liên quan đến đầu tư chưa hình thành hệ thống, thiếu nhất quán, chồng chéo, phức tạp. Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã tạo bước đột phá quan trọng cho môi trường kinh doanh ở Việt Nam, khi lần đầu tiên thống nhất điều chỉnh việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Trên nền tảng đó, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014 và hiện hành là LDN 2020 (sửa đổi bổ sung 2025) và Luật Đầu tư 2020 tiếp tục có những cải cách thủ tục hành chính trong thủ tục thành lập doanh nghiệp khi đã tách bạch thủ tục đăng ký đầu tư và thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và giảm thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, rút ngắn thời gian gia nhập thị trường cho doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, việc hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp về thủ tục hành chính phải tạo cơ hội bình đẳng cho các doanh nghiệp (không phân biệt nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài) có điều kiện kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực pháp luật không cấm, hạn chế rào cản thủ tục hành chính xâm hại đến quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Thực tế, sự bất bình đẳng giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong pháp luật doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn tồn tại khá lớn. Nhiều rào cản thương mại đối với khu vực tư nhân trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài như thủ tục hải quan, thủ tục vay vốn ngân hàng, thủ tục hành chính…làm cho quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp khó có thể thực hiện bình đẳng trên thực tế. Khắc phục hạn chế trên và để đem lại sự bình đẳng cho doanh nghiệp, nhà nước cần loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết đang gây trở ngại cho sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân. Đây là nhiệm vụ không hề dễ dàng trong bối cảnh tư tưởng về bảo hộ thương mại gắn với lợi ích vật chất của một bộ phận cơ quan quản lý nhà nước vẫn còn chi phối lớn đến thương trường Việt Nam. Các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu, xuất khẩu gạo, xuất khẩu lao động hay kinh doanh internet cần được nhà nước cải tiến điều kiện cấp phép theo hướng cho phép kinh tế tư nhân tham gia sâu rộng hơn, trên tinh thần không phân biệt đối xử nhằm giải phóng sức sản xuất, phát huy nội lực, tạo sân chơi chung cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Bởi lẽ, nếu không có sự bình đẳng trong các quy định pháp luật doanh nghiệp, quyền tự do kinh doanh chỉ là lý thuyết suông và thủ tục hành chính có thể trở thành rào cản cho sự gia nhập thị trường của nhà đầu tư.

Hai là, pháp luật doanh nghiệp phải thu hẹp phạm vi ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhất là những ngành nghề kinh doanh phải có giấy phép kinh doanh.

Để doanh nghiệp được chủ động đăng ký và hoạt động kinh doanh trong những ngành, nghề pháp luật không cấm, nhà nước cần tiến hành rà soát, đánh giá lại hệ thống danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện một cách kịp thời để phù hợp với sự xoay chuyển liên tục của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Vì đây là thủ tục hành chính rất phức tạp, ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Thực tế, không thể có quyền tự do kinh doanh thực sự cho doanh nghiệp khi số lượng giấy phép kinh doanh còn nhiều và các điều kiện cấp phép kinh doanh ngày càng bị siết chặt. Để phát huy ý nghĩa tích cực của giấy phép kinh doanh trên thực tế, nhà nước chỉ nên duy trì số lượng giấy phép kinh doanh hợp lý, thực sự cần thiết để quản lý doanh nghiệp, tránh gây phương hại đến lợi ích của doanh nghiệp. Cần phải thay đổi, loại bỏ những điều kiện cấp phép giấy phép kinh doanh không còn phù hợp đối với doanh nghiệp, cải tiến quy trình cấp phép kinh doanh theo hướng nhanh gọn, đơn giản, ít tốn kém. Giảm bớt thời gian thẩm định cấp phép, ứng dụng công nghệ cao trong thủ tục cấp phép, hạn chế sự tiếp xúc trực tiếp giữa cơ quan công quyền và doanh nghiệp cũng là những nội dung pháp luật Doanh nghiệp cần hoàn thiện trong thời gian tới để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp.

***3.1.3. Đảm bảo yêu cầu thực hiện cam kết quốc tế và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam thời kỳ hội nhập và trước yêu cầu của kinh tế số***

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã, đang và sẽ tiếp tục mang lại những thời cơ và thách thức mới, tác động đến toàn bộ nền kinh tế của Việt Nam. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các cam kết hội nhập, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ngày càng phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong những giải pháp cấp bách Đảng và nhà nước đặt ra cho các Bộ, ngành liên quan.

Trong bối cảnh hội nhập, các quy định pháp luật doanh nghiệp đối với doanh nghiệp phải được tiếp tục hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu của các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc phê chuẩn trước đó. Đặc biệt, việc hoàn thiện quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp và thủ tục hành chính liên quan đến mở cửa thị trường cho các nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp Việt Nam theo đúng lộ trình cam kết hội nhập phải được ưu tiên hàng đầu. Đầu tư nước ngoài đóng vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế, đặc biệt là quá trình Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa của một quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Nhìn lại quá trình Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa thành công của một số nước NICs, ASEAN và Trung quốc cho ta thấy rõ hơn nguồn vốn đầu tư nói chung và FDI nói riêng là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của quá trình Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa nói riêng và quá trình hội nhập quốc tế nói chung46. Theo đó, việc hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam và các quy tắc thương mại, đầu tư chung của thế giới, phục vụ đắc lực cho tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Để thực hiện được yêu cầu này, Việt Nam cần cải thiện chất lượng công tác xây dựng pháp luật trong nước, loại bỏ quy định về thủ tục hành chính vướng mắc, gây trở ngại cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, không phù hợp với xu thế hội nhập.

Bên cạnh đó, việc hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp phải hướng tới xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam có đầy đủ các tiêu chí của một hệ thống pháp luật hoàn thiện, khắc phục tình trạng chồng chéo, thiếu đồng bộ, phân tán trong các quy định pháp luật, thiếu tính kết dính giữa luật chung và luật riêng gây nên những khó khăn nhất định trong việc hiểu và vận dụng pháp luật. Bởi lẽ, một hệ thống pháp luật được coi là hoàn thiện trước hết phải đảm bảo được tính thống nhất trong chính hệ thống pháp luật đó. Sự thống nhất của hệ thống pháp luật là điều kiện cần thiết bảo đảm cho sự thống nhất về mục đích của pháp luật và sự triệt để trong thực hiện pháp luật. Hệ thống pháp luật trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam được hình thành qua hơn 20 năm đổi mới kinh tế dù đạt được những tiến bộ nhất định nhưng vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc phải được cải cách theo yêu cầu xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền và chủ động hội nhập quốc tế. Để thực hiện yêu cầu trên, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là phải sớm hoàn thành việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về kinh doanh phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Bên cạnh đó, trước tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thủ tục gia nhập thị trường cũng cần phải gắn với yêu cầu về ứng dụng các thành tựu của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là trong dịch vụ công trực tuyến. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 xác định: “Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau”, trong đó việc triển khai, sử dụng dịch vụ công trực tuyến được xem là khâu quan trọng, then chốt trong tiến trình xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thời hạn, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả của các tổ chức, cá nhân; đặc biệt là tránh được tệ nhũng nhiễu, quan liêu, phiền hà từ một bộ phận cán bộ công quyền; tăng tính công khai, minh bạch và thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm, tính chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của cán bộ được phân công xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

* 1. **Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký doanh nghiệp**
     1. Hoàn thiện pháp luật về điều kiện đăng ký doanh nghiệp

Từ thực tiễn những vướng mắc, bất cập nêu tại chương 2 về điều kiện đăng ký doanh nghiệp, cần xem xét, điều chỉnh những nội dung sau đây:

Một là, sửa đổi Khoản 20 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 từ: “*Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật*.” thành: “*Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đúng theo quy định của pháp luật*”.

Hai là, hướng dẫn cụ thể đối với cán bộ thụ lý hồ sơ về việc kiểm tra, đối chiếu thông tin lưu trữ tại cơ quan đăng ký kinh doanh với thông tin trong hồ sơ đề nghị thay đổi của doanh nghiệp. Trường hợp có thông tin lưu trữ tại cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng không kiểm tra, đối chiếu để xảy ra sai sót dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận sai thì cơ quan đăng ký kinh doanh và người thực hiện thủ tục cấp phải chịu trách nhiệm.

* + 1. Hoàn thiện pháp luật về chủ thể thành lập doanh nghiệp

Theo Khoản 1 Điều 17 Luật doanh nghiệp năm 2020: *“Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”.* Theo quy định của điều luật này thì chủ thể thực hiện hành vi kinh doanh được hiểu gồm 3 nhóm chủ thể: *Nhóm 1:* gồm những người có cả 3 quyền: thành lập, góp vốn, và quản lý doanh nghiệp; *Nhóm 2:* có 2 quyền: góp vốn và quản lý; *Nhóm 3:* chỉ có quyền góp vốn (không có quản lý).

Kể từ khi Hiến pháp Việt Nam ra đời đều đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh và Hiến pháp 2013 có sự kế thừa và quy định “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”. Như vậy, quyền tự do kinh doanh là quyền thành lập doanh nghiệp của người dân, pháp luật đăng ký kinh doanh nên đảm bảo và cụ thể hóa Hiến pháp để thực sự trở thành cơ sở pháp lý quan trọng đẩm bảo cho công dân được hưởng đầy đủ quyền tự do kinh doanh. Do đó, Nhà nước cần phải xem xét lại sự quy định của nhóm 3 là hoàn toàn không hợp lý khi chủ thể đã góp vốn vào thành lập doanh nghiệp thì chủ thể có thể có quyền quản lý doanh nghiệp khi tỷ lệ sở hữu phần vốn góp đạt một tỷ lệ nhất định trong các doanh nghiệp đồng sở hữu.

Mặt khác, thành lập doanh nghiệp là một thủ tục khai sinh nên thực thể pháp lý mới, nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh, mặt khác cũng đảm bảo quyền tự do kinh doanh. Để bảo bảo quản lý nhà nước trong hoạt động đăng ký kinh doanh, tránh tình trạng việc đăng ký kinh doanh không đúng theo quy định của pháp luật, Nhà nước cần quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể khi có ý định khởi sự doanh nghiệp.

Pháp luật về đăng ký kinh doanh quy định về xử phạt vi phạm đăng ký kinh doanh bước đầu mới chỉ dừng lại ở xử lý vi phạm hành chính. Do đó, để chủ thể kinh doanh có ý thức chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh, ngay từ khi có ý tưởng thành lập doanh nghiệp đã phải có ý thức tuân thủ pháp luật kinh doanh cái gì theo đúng pháp luật và chỉ được kinh doanh những gì mà pháp luật cho phép. Khi đến khâu chuẩn bị hồ sơ phải chịu trách nhiệm, toàn bộ thông tin ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh phải gắn trách nhiệm của mình trong đó. Khi có thông tin cần phải thay đổi, bổ sung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp người thành lập doanh nghiệp phải báo cáo kịp thời với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Nhằm tăng cướng công tác quản lý trong việc đăng ký doanh nghiệp, ở Việt Nam hiện nay thực hiện theo chủ trương tăng cường công tác “hậu kiểm”. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện chủ trương này nhiều địa phương cũng chưa thực sự làm tốt vẫn còn để tình trạng vi phạm pháp luật trong công tác đăng ký doanh nghiệp diễn ra hàng năm. Do đó, để thực sự đảm bảo được quyền tự do kinh doanh của công dân, đồng thời thực hiện được công tác quản lý nhà nước trong việc đăng ký doanh nghiệp đòi hỏi nhà nước cần phải có những chế tài siết mạnh tính chịu trách nhiệm của các chủ thể khi thực hiện hoạt động đăng ký doanh nghiệp. Bởi lẽ, việc kinh doanh ngoài việc thỏa mãn nhu cầu, ý chí của các chủ thể kinh doanh thì cũng cần phải yêu cầu các chủ thể thực thi tốt vấn đề đạo đức trong kinh doanh. Mà một trong những nguyên tắc của đạo đức kinh doanh đó là tính trung thực, tôn trọng con người. Cho nên, một chủ thể kinh doanh khi thực hiện hành vi kinh doanh cố tình lừa dối, dung mọi thủ đoạn, không trung thực trong việc chấp hành pháp luật thì cần phải loại bỏ không thể để những chủ thể như thế gia nhập thị trường.

* + 1. Hoàn thiện pháp luật về ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp

Hiện nay Luật Doanh nghiệp 2020 đã tạo một bước đột phá mới khi quy định nội dung trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ không còn ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi tiến hành đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp vẫn phải đăng ký ngành nghề dự kiến hoạt động. Theo đó, ngành nghề được thể hiện cụ thể trên giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký thành lập quy định tại Điều 7 của [Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký](https://dangkykinhdoanh.gov.vn/Images/editor/files/283247.pdf) doanh nghiệp. Đồng thời, nếu doanh nghiệp thay đổi ngành nghề kinh doanh thì doanh nghiệp vẫn phải thực hiện thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, toàn bộ quy trình về đăng ký ngành nghề mới, cũng như thay đổi ngành nghề kinh doanh không ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh mà được tập hợp lưu thông tin tại Cổng thông tin quốc gia vẫn giúp nhà nước trong hoạt động quản lý doanh nghiệp, sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, để giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc đăng ký mã ngành kinh doanh, đòi hỏi nhà nước cần phải đảm bảo các yêu cầu sau: (i) Việc quy định mã ngành cần phải được quy định rõ ràng, cụ thể, chi tiết, tạo điều kiện cho chủ thể kinh doanh dễ dàng áp dụng; đặc biệt các ngành kinh doanh cấp bốn phải được cụ thể hóa, bao quát hết các ngành kinh doanh hiện nay. Hầu hết các doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh không phải chỉ có đăng ký duy nhất một ngành nghề kinh doanh, mà đăng ký hầu như rất nhiều ngành nghề cùng một lúc. Do vậy, việc quy định cấp nhiều mã ngành cùng một lúc cho doanh nghiệp thì phải đặt vấn đề có cơ chế theo dõi, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh hết tất cả các ngành nghề đó không, để tránh việc doanh nghiệp không kinh doanh mà cứ đăng ký thì cũng chẳng sao. Câu chữ trong mã ngành ngành cần phải cụ thể, rõ ràng, đơn nghĩa cấu trúc để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh dễ áp dụng cũng như cho chính các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, tránh việc họ áp dụng sai, làm sai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh.

Tăng cường công tác hỗ trợ chủ thể doanh nghiệp khi áp dụng mã ngành. Vì đôi khi không phải ngành nghề nào chủ thể kinh doanh cũng tìm được mã ngành luôn mà nhiều khi việc kinh doanh xuất phát từ nhu cầu phát triển của thị trường có khi có những ngành kinh doanh mới mà chưa có mã ngành thì đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh để giúp chủ thể kinh doanh được khởi sự doanh nghiệp sớm. Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh, cũng như đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân, Nhà nước nên xem xét có nên áp dụng, duy trì việc áp dụng mã ngành kinh doanh cho doanh nghiệp như hiện nay không?

Ngoài ra, đối với lĩnh vực ngành nghề bị cấm kinh doanh nên quy định ở một nguồn văn bản pháp luật nhất định, tránh để tình trạng ban hành ở nhiều quy định khác nhau, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tìm hiểu, tiếp cận, vì nếu nhà đầu tư nước ngoài thì cũng chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp. Do đó, nhà nước nên quy định danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh ở ngay Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp đảm bảo tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật Việt Nam.

* + 1. Hoàn thiện pháp luật về trụ sở kinh doanh của doanh nghiệp

Pháp luật về doanh nghiệp quy định, để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải có trụ sở chính trên lãnh thổ Việt Nam, với địa chỉ rõ ràng ghi rõ các thông tin cụ thể theo địa chỉ đó. Điều này thực sự gây khó khăn, trở ngại cho các nhà đầu tư, bởi lẽ thủ tục hành chính trong lĩnh vực địa chính của nhà nước ta hiện nay còn nhiều bất cập, để có được bất động sản làm trụ sở chính của doanh nghiệp, nhà đầu tư phải làm thủ tục xin UBND nơi có bất động sản xác nhận để làm trụ sở chính của doanh nghiệp, sau đó có sự xác nhận này là điều kiện để doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hiện nay, chủ trương của nhà nước ta đang tăng cường tính chủ động cho doanh nghiệp thông qua hình thức "hậu kiểm", vậy tại sao không để khi doanh nghiệp hoạt động phải nộp thuế, cơ quan thuế sẽ xác minh xem có đúng doanh nghiệp hoạt động tại nơi đó hay không? Mà phải yêu cầu doanh nghiệp hoàn thiện thủ tục xác nhận trụ sở chính ngay từ ban đầu, điều này lại làm cản trở thủ tục gia nhập thị trường của doanh nghiệp.

Ngoài ra, Điều 42 Luật doanh nghiệp 2020 ghi rõ: "*Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp và được xác định theo địa giới đơn vị hành chính; có số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có*)”. Tuy nhiên nếu doanh nghiệp muốn tiết kiệm chi phí, sử dụng nhà chung cư đang sở hữu để làm trụ sở của doanh nghiệp thì vướng phải quy định của Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy chế về quản lý sử dụng nhà chung cư của Bộ Xây dựng. Theo quy định này thì nhà chung cư là nhà ở có từ hai tầng trở lên. Tức là, các căn hộ chung cư chỉ sử dụng để ở, không sử dụng vào mục đích khác. Mặt khác, Luật Kinh doanh bất động sản quy định nghĩa vụ bên mua nhà “sử dụng nhà, công trình xây dựng đúng công năng thiết kế”. Luật Xây dựng quy định “nội dung thiết kế xây dựng công trình phải phù hợp, thỏa mãn với yêu cầu về chức năng sử dụng”. Nhà chung cư được thiết kế theo mục đích sử dụng với các tiêu chuẩn về tải trọng, cấp điện, thang máy, nơi thoát nạn, phòng cháy, chữa cháy... phù hợp với nhà ở. Nếu sử dụng sai mục đích sẽ không đảm bảo các điều kiện an toàn. Do đó, tác giả thiết nghĩ trong nền kinh tế thị trường mục đích đảm bảo quyền tự do kinh doanh thì việc nhà đầu tư muốn tiết kiệm chi phí, sử dụng nhà chung cư làm trụ sở chính cho doanh nghiệp cũng là điều hợp lý.

* + 1. Hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp

Thủ tục đăng ký doanh nghiệp là thủ tục khai sinh ra doanh nghiệp, tạo cho doanh nghiệp một địa vị pháp lý nhất định. Hiện nay, trong bối cảnh kinh tế thị trường, việc cải cách hoàn thiện thủ tục đăng ký kinh doanh là một yêu cầu rất cần thiết và phải giải quyết một cách kịp thời.

Một là, sửa đổi khoản 3 Điều 43 Luật Doanh nghiệp năm 2020 về con dấu doanh nghiệp. Theo đó, để giảm bớt chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, quy định về thông báo mẫu dấu cho cơ quan đăng ký kinh doanh như Luật hiện hành cần phải được sửa đổi như sau: Việc doanh nghiệp phải thông báo mẫu dấu cho Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể thay thế bằng hình thức điện tử để vừa tiết kiệm thời gian, chi phí, vừa bảo đảm việc cơ quan quản lý nhà nước có thể kiểm soát được các hóa đơn, chứng từ trong việc kê khai thuế cũng như là tránh phát sinh tranh chấp, lừa đảo trong các hợp đồng.

Hai là, sửa đổi khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp thành: “Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.” Và hiện nay, Nghị định 168/2025/NĐ-CP đã quy định: “Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp, biên bản họp, nghị quyết hoặc quyết định trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Việc đóng dấu đối với các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan”.

Ba là, hoàn thiện quy định pháp luật về đặt tên doanh nghiệp

Ngày 01/10/2014, Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch ban hành Thông tư số 10/2014/TT-BVHTTDL hướng dẫn đặt tên DN phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tuy nhiên, những quy định cũng chưa rõ, còn mơ hồ, khó xác định trên thực tế. Quy định này mang tính nguyên tắc, chưa rõ ràng, nội hàm của “văn hóa”, “đạo đức” và “thuần phong mỹ tục” là vô cùng đa dạng và khó có sự thống nhất chung. Có những cái tên DN gây nhiều tranh cãi, nhiều cách hiểu khác nhau, hoặc không có nghĩa, nghe rất kỳ lạ. Thực tế tại TP.HCM, cũng có nhiều cái tên DN nghe kỳ lạ, cơ quan đăng ký kinh doanh không có cơ sở để xác định vi phạm “văn hóa”, “đạo đức” hay “thuần phong mỹ tục”, nên vẫn cấp giấy chứng nhận DN, chẳng hạn như: quán Buddha Bar and Grill, Công ty TNHH Dịch vụ A đến Z,…[[37]](#footnote-37).

Hơn nữa, việc xác định tên DN có hợp pháp hay không đang tốn thêm thời gian cho thủ tục thành lập doanh nghiệp. Theo tác giả, chúng ta nên học hỏi kinh nghiệm của Singapore. Theo đó, thủ tục đăng ký tên doanh nghiệp là một thủ tục tách bạch và được làm trước so với thủ tục thành lập doanh nghiệp[[38]](#footnote-38). Việc cho phép kiểm tra và đặt tên trước của doanh nghiệp ở Singapore đã giúp tiết kiệm được thời gian và thuận tiện hơn cho doanh nghiệp vì doanh nghiệp có nhiều thời gian để cân nhắc tên của doanh nghiệp trong khi chưa phải thực hiện các thủ tục khác; tên của doanh nghiệp không bị mất trong trường hợp chưa hoàn thiện xong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Để hoạt động đăng ký kinh doanh thực chất là sự kiểm soát của Nhà nước đối với các chủ thể thông qua việc cấp giấy phép đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, việc thành lập doanh nghiệp đòi hỏi nhà nước cần có cơ chế giảm tải các thủ tục không cần thiết, tránh gây phiền hà, yêu sách không cần thiết làm mất công sức, thời gian, chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động đăng ký doanh nghiệp cần phải được loại bỏ, cần phải có sự cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng càng đơn giản, thông thoáng theo hướng không phải xin phép thành lập mà là được thành lập.

* 1. **Một số giải nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về thủ tục thành lâp doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Dựa trên các phân tích thực tiễn từ địa phương và bám sát kế hoạch cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của UBND tỉnh Lai Châu, cũng như xuất phát từ nhu cầu thực tế của các chủ thể kinh doanh, việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Lai Châu cần tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

***Một là, hoàn thiện cơ chế phối hợp và số hóa quy trình thực thi pháp luật***

Cần khẩn trương rà soát và ban hành quy chế phối hợp cụ thể giữa các cơ quan trong năm 2025: Phòng Đăng ký kinh doanh, Cục Thuế, BHXH, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp… để khắc phục tình trạng phối hợp hình thức, thiếu liên thông thông tin và gây ách tắc trong xử lý hồ sơ. Song song đó, tỉnh cần đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo thực hiện các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp qua môi trường số một cách đồng bộ và hiệu quả, thay vì chỉ dừng lại ở bước nộp hồ sơ ban đầu như hiện nay.

***Hai là, nâng cao năng lực cán bộ và cải thiện điều kiện làm việc***

Trước áp lực hồ sơ gia tăng, UBND tỉnh cần có chính sách bổ sung nhân lực, đặc biệt là chuyên viên có chuyên môn pháp lý và kỹ thuật số, giảm bớt tình trạng làm thêm giờ triền miên gây ảnh hưởng đến chất lượng thực thi công vụ. Việc đào tạo thường xuyên cho cán bộ đăng ký kinh doanh về nghiệp vụ và thái độ phục vụ là rất cần thiết, góp phần cải thiện chỉ số thành phần “Chi phí thời gian và không chính thức” trong PCI, và cần có đề án giai đoạn 2025-2030.

***Ba là, Tăng cường hỗ trợ pháp lý và kỹ năng số cho chủ thể đăng ký kinh doanh***

UBND tỉnh Lai Châu cần tăng cường thiết lập các kênh hỗ trợ doanh nghiệp - đặc biệt là các hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa - trong việc kê khai ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu dịch vụ công. Nhiều doanh nghiệp tại Lai Châu hiện vẫn chưa hiểu rõ sự khác biệt giữa “tính hợp lệ” và “tính hợp pháp” của hồ sơ, hoặc không có kỹ năng truy cập cổng thông tin doanh nghiệp. Do đó, việc tổ chức tập huấn, phát hành sổ tay hướng dẫn, xây dựng thư viện câu hỏi thường gặp (FAQ) là thiết thực.

***Bốn là, Nâng cao công tác minh bạch hóa và hậu kiểm hiệu quả***

Việc “tiền đăng - hậu kiểm” chỉ thực sự có giá trị nếu tỉnh thiết lập được cơ chế kiểm tra chéo dữ liệu liên ngành (địa chỉ, mã số thuế, BHXH, email...), công khai xử lý vi phạm và cập nhật kịp thời thông tin doanh nghiệp không còn hoạt động. Điều này giúp tăng niềm tin vào tính công bằng và pháp quyền trong môi trường đầu tư.

***Năm là, đẩy mạnh gắn kết cải cách thủ tục với mục tiêu nâng hạng PCI***

Các giải pháp trên cần đặt trong tổng thể kế hoạch cải thiện PCI của UBND tỉnh Lai Châu, với trọng tâm là cải thiện các chỉ số thành phần như “Gia nhập thị trường”, “Tính minh bạch”, “Chi phí không chính thức” và “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp”. Đặc biệt, cần có cơ chế đánh giá định kỳ hiệu quả thực hiện từng chỉ tiêu, đồng thời khuyến khích phản hồi từ cộng đồng doanh nghiệp để điều chỉnh chính sách phù hợp.

*Sáu là, nâng cao hiệu quả công tác hậu kiểm*

Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tránh sự trùng lắp, chồng chéo trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra đảm bảo trong 1 năm không quá 1 lần thanh tra, kiểm tra đối với 1 doanh nghiệp. Để có thể nâng hiệu quả công tác hậu kiểm thì nhà quản lý cần phải đưa hoạt động này thành hoạt động thường xuyên và liên tục với số lượng doanh nghiệp được kiểm tra ngày càng tăng. Lên kế hoạch cụ thể, toàn diện về các nội dung kiểm tra để có thể đánh giá được toàn diện các vấn đề liên quan của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, có thể đưa ra được những kết luận mang lại giá trị cao trong công tác kiểm tra đánh giá và tổng hợp. Xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm để tăng sức răn đe cũng như nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp.

Tóm lại, việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp không chỉ là trách nhiệm của cơ quan nhà nước, mà còn đòi hỏi sự chủ động từ phía doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, tuân thủ pháp luật và tham gia đóng góp ý kiến xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi tại địa phương.

**Kết luận chương 3**

Pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp là nền tảng pháp lý thiết yếu nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh, thúc đẩy môi trường đầu tư, và bảo vệ lợi ích chính đáng của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận trong việc cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chỉ số thuận lợi kinh doanh, vẫn còn tồn tại những bất cập về kỹ thuật lập pháp, tính khả thi trong áp dụng thực tiễn, cũng như hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và nhận diện những điểm nghẽn của hệ thống pháp luật hiện hành, chương này đã đề xuất các phương hướng hoàn thiện, bao gồm việc tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận pháp luật cho doanh nghiệp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, và hoàn thiện các quy định liên quan đến phân quyền, phân cấp trong đăng ký kinh doanh. Đồng thời, các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật được đề xuất theo hướng đồng bộ giữa cải cách thể chế và tăng cường năng lực thực thi, bao gồm: hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ việc thực thi pháp luật; Việc triển khai hiệu quả các giải pháp nêu trên không chỉ góp phần khắc phục những hạn chế hiện hữu mà còn hướng tới một môi trường pháp lý minh bạch, nhất quán và thuận lợi hơn cho hoạt động khởi sự kinh doanh, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

**KẾT LUẬN**

Pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp là bộ phận có vị trí quan trọng trong pháp luật doanh nghiệp và thương mại nói chung, là nền tảng pháp lý thiết yếu nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh, thúc đẩy môi trường đầu tư, và bảo vệ lợi ích chính đáng của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam, chế định này lần đầu tiên được quy định riêng trong văn bản quy phạm pháp luật kể từ khi Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty vào năm 1990. Chế định này được phát triển với những tư duy đột phá trong xây dựng pháp luật về doanh nghiệp, góp phần mang lại một cuộc “cách mạng” về cải cách thủ tục hành chính trong việc thành lập và đăng ký kinh doanh ở Việt Nam với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014, đặc biệt là Luật Doanh nghiệp năm 2020 và mới nhất là Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 đã thể chế hóa các vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm về cung cấp thông tin thủ tục thành lập doanh nghiệp; áp dụng cơ chế một cửa trong quá trình đăng ký doanh nghiệp, pháp luật về đăng ký doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần hoàn thiện.

Tại Việt Nam, công tác thủ tục thành lập doanh nghiệp luôn dành được sự quan tâm trong việc cập nhật, sửa đổi cùng với những chính sách mới được đưa ra theo đường lối, quan điểm về phát triển kinh tế tư nhân như hiện nay.

Qua nghiên cứu tình hình hoạt động thủ tục thành lập doanh nghiệp tại tỉnh Lai Châu, tôi đã có được một góc nhìn phản chiếu tình trạng thực thi pháp luật về đăng ký doanh nghiệp tại đây. Trên cơ sở đó, học viên đã mạnh dạn đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung và tại tỉnh Lai Châu nói riêng.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chính phủ (2021), Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 về đăng ký doanh nghiệp.
2. Chính phủ (2021), [Nghị định 47/2021](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-47-2021-ND-CP-huong-dan-Luat-Doanh-nghiep-470561.aspx) về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020, ban hành ngày 01 tháng 04 năm 2021
3. **Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT. hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, ban hành** ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Hà Nội.
4. Bộ thương mại (2006), Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập WTO, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *“Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII”*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021.
6. Quốc hội (2013), Hiến pháp Việt Nam 2013, ban hành ngày 28/11/2013, Hà Nội.
7. Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp 2020, ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020, Hà Nội
8. Quốc hội (2014), Luật Kinh doanh bất động sản, ban hành ngày 25/11/2014, Hà Nội.
9. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự 2015, ban hành ngày 24/11/2015, Hà Nội.
10. Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp 2020, ban hành ngày 17/6/2020, Hà Nội.
11. Ngô Huy Cương (2004), Hợp đồng thành lập công ty ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
12. Bùi Ngọc Cường (2004), Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Việt Nam hiện hành, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Bùi Xuân Hải (2017), “Học thuyết về đại diện và mấy vấn đề của pháp luật công ty Việt Nam”, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 4/2017.
14. Bùi Xuân Hải (2011), *“Tự do kinh doanh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 5 (277)
15. **TS. Nguyễn Vinh Hưng (2016), “**Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong môi trường kinh doanh hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 5/2016.
16. Trần Huỳnh Thanh Nghị (2013), *“Thực trạng pháp luật về giấy phép kinh doanh”,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 04 (236).
17. Nguyễn Như Phát (2011), *“Nhận thức về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong các văn kiện của Đại hội XI và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu phát triển”,* tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 8 (280).
18. Mai Hồng Quỳ (2012), *“Tự do kinh doanh và vấn đề bảo đảm quyền con người tại Việt Nam”*, NXB Lao động.
19. . Đậu Thị Quyên (2011), *“Gian dối trong quá trình thành lập doanh nghiệp”,* Tạp chí Luật học số 11, 2011.
20. Lê Thị Thu Thủy và Đỗ Minh Tuấn (2016), Thể chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới, Nxb. Tài Chính, Hà Nội.
21. Trường ĐH Luật Tp. Hồ Chí Minh (2016) Giáo trình Pháp luật về Chủ thể kinh doanh, Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
22. Trương Nhật Quang (2016), Pháp luật về Doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý cơ bản, Nxb Dân trí.
23. Mai Hồng Quỳ (2012), *“Tự do kinh doanh và vấn đề bảo đảm quyền con người tại Việt Nam”*, NXB Lao động.
24. Trương Thanh Đức (2017), Luận giải về Luật doanh nghiệp 2014 (36 kế sách pháp lý của doanh nghiệp), (Tái bản có chỉnh sửa), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
25. Nguyễn Hợp Toàn (2017), Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba trong trường hợp CTTNHH hoặc CTCP có nhiều NĐDTPL, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9.
26. Nguyễn Thị Thu Thủy, Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, 2016.
27. Nguyễn Thùy Dương, Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, qua thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng, Đề án thạc sĩ luật học, Đại học Huế, 2018.
28. Nguyễn Thị Thủy, Thực thi pháp luật về đăng ký kinh doanh trên địa bàn Hà Nội. Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
29. ThS. NCS. Nguyễn Thanh Tùng (2020), Một số bất cập, hạn chế về thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp năm 2014.
30. Tổng cục thống kê (2021), Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội quý I, II năm 2021
31. <http://tapchi.hlu.edu.vn>
32. <https://gass.edu.vn/Tapchi>
33. [www.phapluattp.vn](http://www.phapluattp.vn)
34. www. Baodautu.v
35. <https://vi.wikipedia.org>
36. <https://tuyengiao.vn>
37. <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>
38. <http://www.hapi.gov.vn>
39. www. Baodautu.vn
40. [www.kinhtevadubao.com.vn](http://www.kinhtevadubao.com.vn)
41. [www.phapluattp.vn](http://www.phapluattp.vn)
42. <https://vncount.vn/mo-hinh-ho%CC%A3p-tac-hie%CC%A3u-qua%CC%89-trong-quan-ly-nha-nuoc/> (Mô Hình Hợp Tác Hiệu Quả Trong Quản Lý Nhà Nước)
43. https://www.gso.gov.vn/bai-top/2022/11/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-11-va-11-thang-nam-2022/

1. http://laichau.dcs.vn/hoat-dong-tinh-uy/lai-chau-chu-trong-cai-cach-hanh-chinh-cai-thien-moi-truong-dau-tu-kinh-doanh-nang-cao-nang-luc-canh-tranh-cap-tinh-7508.html [↑](#footnote-ref-1)
2. Từ điển Tiếng Việt, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Nxb Hồng Đức [↑](#footnote-ref-2)
3. Đại học Luật Hà Nội (2020), Giáo trình Luật thương mại Việt Nam Tập 1, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 377; [↑](#footnote-ref-3)
4. World Bank. (2020). Doing Business 2020: Comparing Business Regulation in 190 Economies. Washington, DC: World Bank Group [↑](#footnote-ref-4)
5. Phạm Phương Nam, Đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp 2014, Luận văn thạc sĩ, bảo vệ tại Học Viện Khoa học xã hội năm 2017, tr.9; [↑](#footnote-ref-5)
6. World Bank. (2020). Doing Business 2020: Comparing Business Regulation in 190 Economies. Washington, DC: World Bank Group [↑](#footnote-ref-6)
7. Nguyễn, H. T. (2022). Phân tích những rào cản pháp lý trong thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam. Tạp chí Luật học, số 5, tr. 51-60 [↑](#footnote-ref-7)
8. World Bank. (2020). Doing Business 2020: Comparing Business Regulation in 190 Economies. Washington, DC: World Bank Group [↑](#footnote-ref-8)
9. Nguyễn Thị Thu Thủy (2016), Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, tr.35 [↑](#footnote-ref-9)
10. Ngân hàng Thế giới. (2020). Doing Business 2020: Comparing Business Regulation in 190 Economies. World Bank Group [↑](#footnote-ref-10)
11. Nguyễn Văn Nam, (2022), Pháp luật về thủ tục hành chính trong đăng ký kinh doanh. Tạp chí Luật học, (2), 45-52 [↑](#footnote-ref-11)
12. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2025), Báo cáo tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp [↑](#footnote-ref-12)
13. Ngân hàng Thế giới. (2020). Doing Business 2020: Comparing Business Regulation in 190 Economies. World Bank Group [↑](#footnote-ref-13)
14. OECD. (2020). \*Entrepreneurship at a Glance 2020\*. Organisation for Economic Co-operation and Development. https://doi.org/10.1787/entrepreneur\_aag-2020-en [↑](#footnote-ref-14)
15. World Bank. (2023). \*Doing Business Indicators: Starting a Business\*. https://www.worldbank.org/en/programs/business-enabling-environment/doing-business-indicators [↑](#footnote-ref-15)
16. Đại học Kinh tế Tp.HCM (2017), Giáo trình Luật kinh doanh, NXB Kinh tế, Tp.HCM, tr. 216 - 217 [↑](#footnote-ref-16)
17. Quốc hội, Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 số 36/2018/QH14, Điều 20 [↑](#footnote-ref-17)
18. Chính phủ, Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ [↑](#footnote-ref-18)
19. Xuân Hà, “Từ ngày 1/1/2021, cấm kinh doanh dịch vụ đòi nợ”, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, https://tapchitoaan.vn/bai-viet/co-the-ban-can-biet/tu-ngay-1-1-2021-cam-kinh-doanh-dich-vu-doi-no [↑](#footnote-ref-19)
20. Trương Thanh Đức (2019), Luận giải về Luật Doanh nghiệp, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.107-108. [↑](#footnote-ref-20)
21. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2017), Giáo trình Pháp luật kinh tế, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, tr.52 [↑](#footnote-ref-21)
22. Quốc hội, Luật doanh nghiệp năm 2014 số 68/2014/QH13, Điều 37; [↑](#footnote-ref-22)
23. Quốc hội, Luật doanh nghiệp năm 2014 số 68/2014/QH13, Điều 38 [↑](#footnote-ref-23)
24. Nguyễn Hữu Phát. (2022). Cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký doanh nghiệp tại Việt Nam: Một số vấn đề và kiến nghị. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, (302), 45–52. [↑](#footnote-ref-24)
25. Nguyễn Văn Cường. (2021). Thách thức trong áp dụng hệ thống mã ngành kinh tế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp. Tạp chí Luật học, 3(4), 57–63 [↑](#footnote-ref-25)
26. Báo cáo đẩy nhanh thủ tục khởi sự kinh doanh ở Việt Nam: Hiện trạng và giải pháp, 4/2022 [↑](#footnote-ref-26)
27. Trần Thị Mai. (2020). Khung pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam – thực trạng và đề xuất hoàn thiện. Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, 8(2), 34–42 [↑](#footnote-ref-27)
28. Lê Hoàng Minh. (2022). Hạn chế trong hệ thống đăng ký doanh nghiệp điện tử ở Việt Nam: Góc nhìn từ thực tiễn. Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, 5(9), 88–95 [↑](#footnote-ref-28)
29. World bank, 2024, Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam [↑](#footnote-ref-29)
30. https://baolaichau.vn/kinh-t%E1%BA%BF/lai-ch%C3%A2u-kh%E1%BA%AFc-ph%E1%BB%A5c-kh%C3%B3-kh%C4%83n-x%C3%A2y-d%E1%BB%B1ng-v%C3%A0-ph%C3%A1t-tri%E1%BB%83n [↑](#footnote-ref-30)
31. Số liệu của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu [↑](#footnote-ref-31)
32. Báo cáo số 209/BC-UBND của UBND tỉnh Lai Châu về kết quả năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Lai Châu năm 2022 [↑](#footnote-ref-32)
33. UBND tỉnh Lai Châu, 2024, Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Lai Châu năm 2023; nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số PCI tỉnh Lai Châu năm 2024 [↑](#footnote-ref-33)
34. https://pcivietnam.vn/bang-xep-hang?region\_id=5&cpi\_cat\_id=Sub\_Index\_1&year=2024 [↑](#footnote-ref-34)
35. Báo cáo PCI năm 2020 của UBND tỉnh Lai Châu thì tỷ lệ này là 97% [↑](#footnote-ref-35)
36. Bùi Ngọc Cường (2004), “Một số vấn đề về quyền tụ do kinh doanh trong pháp luật hiện hành ở Việt Nam”, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà nội, Tr. 22- 23. [↑](#footnote-ref-36)
37. Trương Thành Thiện, https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/dang-ky-doanh-nghiep-theo-phap-luat-viet-nam-thuc-tien-tai-thanh-pho-ho-chi-minh-84620.htm [↑](#footnote-ref-37)
38. Báo cáo đẩy nhanh thủ tục khởi sự kinh doanh ở Việt Nam: Hiện trạng và giải pháp, 4/2022. [↑](#footnote-ref-38)